

Aus4Reform Program



**CHƯƠNG TRÌNH AUSTRALIA
HỖ TRỢ CẢI CÁCH KINH TẾ VIỆT NAM**

**ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CẮT GIẢM
ĐIỀU KIỆN KINH DOANH 2018**

Lời nói đầu

Cải cách các quy định về điều kiện kinh doanh nhằm thúc đẩy cạnh tranh, khuyến khích phát triển doanh nghiệp là trọng tâm của Chính phủ trong những năm gần đây. Nội dung này được chỉ đạo trong nhiều Nghị quyết của Chính phủ trong 2 năm 2017 và 2018. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ đã giao các bộ cắt giảm 50% điều kiện kinh doanh; trước ngày 15/8/2018 hoàn thành việc trình cấp có thẩm quyền các văn bản để thực thi phương án đơn giản hóa điều kiện kinh doanh bằng hình thức một văn bản sửa nhiều văn bản theo quy trình, thủ tục rút gọn.

Yêu cầu về cắt giảm 50% điều kiện kinh doanh được đưa ra dựa trên báo cáo rà soát điều kiện kinh doanh của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương và của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thực hiện trong năm 2016-2017. Theo kết quả rà soát năm 2016, tổng số điều kiện kinh doanh đến hết năm 2016 là 5703 điều kiện kinh doanh; trong đó khoảng gần 3000 điều kiện kinh doanh không cần thiết, không rõ ràng, không có hiệu quả về quản lý nhà nước hoặc can thiệp sâu vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Bởi vậy, việc rà soát, cắt giảm điều kiện kinh doanh là cần thiết và phải được các bộ, ngành chú trọng thực hiện.

Trong năm 2017, mới chỉ có một số ít bộ, ngành thực hiện rà soát và đề xuất phương án cắt giảm, sửa đổi (như Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng). Tới quý II năm 2018, nhìn chung hầu hết các bộ đã nhận thức tầm quan trọng của yêu cầu cải cách này và tiến hành rà soát, đề xuất phương án và xây dựng các dự thảo Nghị định cắt giảm, sửa đổi điều kiện kinh doanh. Tính đến ngày 2/12/2018, hầu hết các Nghị định sửa đổi chung về điều kiện kinh doanh đã được ban hành; một số bộ, ngành xây dựng và trình dự thảo các Nghị định sửa đổi riêng từng Nghị định.

Theo báo cáo của các Bộ thì hầu hết kết quả cắt giảm điều kiện kinh doanh đạt trên 50%, đạt mục tiêu theo chỉ đạo tại Nghị quyết. Tuy nhiên, cần có nghiên cứu, đánh giá độc lập về kết quả cắt giảm điều kiện kinh doanh của các bộ, ngành để đảm bảo cải cách được thực chất, thực sự mang lại thuận lợi cho doanh nghiệp. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đem đến một đánh giá khách quan, độc lập của chuyên gia về kết quả cắt giảm điều kiện kinh doanh của các bộ, ngành; từ đó kiến nghị các giải pháp về cải cách thực chất các quy định về điều kiện kinh doanh cũng như nâng cao hiệu quả, hiệu lực thực thi các cải cách trên thực tế; đảm bảo doanh nghiệp được tạo thuận lợi một cách thực chất.

Nghiên cứu này tập trung rà soát sâu 4 lĩnh vực gồm: (i) Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; (ii) Xây dựng; (iii) Thông tin truyền thông; và (iv) Văn

hóa thể thao, du lịch. Rà soát thực hiện trên cơ sở xác định các nguyên tắc quy định về điều kiện kinh doanh và tiêu chí đánh giá chất lượng cắt giảm điều kiện kinh doanh. Các văn bản (Nghị định) về điều kiện kinh doanh trong 4 lĩnh vực được tập hợp và rà soát chi tiết để nhận diện cụ thể từng vấn đề và có bằng chứng thuyết phục, rõ ràng khi đưa ra đề xuất, kiến nghị. Nội dung trong từng lĩnh vực được nghiên cứu chuyên sâu, đánh giá khách quan và độc lập.

Theo đó, báo cáo này được cấu trúc trong 4 chương gồm:

Chương 1. Yêu cầu và các nguyên tắc cắt giảm điều kiện kinh doanh.

Chương 2. Đánh giá chung về kết quả cắt giảm điều kiện kinh doanh năm 2018.

Chương 3. Một số nội dung đánh giá chi tiết về kết quả cắt giảm điều kiện kinh doanh trong 4 lĩnh vực rà soát.

Chương 4. Một số đề xuất, kiến nghị tiếp tục cải cách điều kiện kinh doanh..

Trong quá trình soạn thảo và xuất bản Báo cáo, nhóm tác giả đã nhận được ý kiến đóng góp quý báu của nhiều chuyên gia của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương cũng như của các Bộ, ngành.

Nhân dịp này, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương xin trân trọng cảm ơn Chương trình Australia Hỗ trợ cải cách kinh tế (Aus4reform) đã tài trợ cho Báo cáo.

Chúng tôi chân thành cảm ơn ông Raymond Mallon, Cố vấn của Dự án Aus4reform, đã đóng góp những bình luận, góp ý quý báu và thiết thực để hoàn thiện Báo cáo.

Báo cáo do Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương và nhóm tư vấn của dự án Aus4reform thực hiện. Nhóm soạn thảo do Tiến sỹ Nguyễn Đình Cung chủ trì, với sự tham gia của Ban Môi trường kinh doanh và Năng lực tranh cạnh tranh. Các tư vấn đóng góp báo cáo chuyên đề và tổng hợp gồm Phạm Đỗ Dũng, Nguyễn Thị Thùy Trang, Trần Thu Trang và Đào Xuân Tùng Anh.

Mọi thiếu sót cũng như các quan điểm, ý kiến trình bày trong Báo cáo là của nhóm soạn thảo, không phải của cơ quan tài trợ hay của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

TS. NGUYỄN ĐÌNH CUNG

Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương

Giám đốc Quốc gia Chương trình Aus4Reform

Mục lục

Lời nói đầu	i
Mục lục.....	iii
Danh mục các từ viết tắt.....	iv
Danh mục Hình	v
Danh mục Bảng	v
Chương I. Yêu cầu và các nguyên tắc cắt giảm điều kiện kinh doanh	1
1.1. Rà soát các Nghị quyết của Chính phủ về yêu cầu cắt giảm điều kiện kinh doanh.....	1
1.2. Các nguyên tắc quy định về điều kiện kinh doanh và tiêu chí rà soát chất lượng cắt giảm điều kiện kinh doanh.....	2
Chương II. Đánh giá chung về kết quả cắt giảm điều kiện kinh doanh năm 2018	5
2.1. Kết quả ban hành các văn bản cắt giảm, đơn giản hóa về điều kiện kinh doanh năm 2018.....	5
2.2. Lĩnh vực và các văn bản được rà soát, đánh giá về chất lượng cắt giảm điều kiện kinh doanh.....	12
2.3. Một số đánh giá chung về kết quả cắt giảm điều kiện kinh doanh	14
Chương III. Một số nội dung đánh giá chi tiết về kết quả cắt giảm điều kiện kinh doanh trong 4 lĩnh vực rà soát.....	26
3.1. Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	26
3.2. Lĩnh vực xây dựng.....	36
3.3. Lĩnh vực Thông tin truyền thông	46
3.4. Lĩnh vực Văn hóa, thể thao, du lịch	53
Chương IV. Một số kiến nghị tiếp tục cải cách về điều kiện kinh doanh.....	60

Danh mục các từ viết tắt

Từ viết tắt	Từ đầy đủ
CT	Công thương
DN	Doanh nghiệp
Đkkd	Điều kiện kinh doanh
GDĐT	Giáo dục đào tạo
GTVT	Giao thông vận tải
KHCN	Khoa học công nghệ
LĐTBXH	Lao động thương binh xã hội
NHNN	Ngân hàng nhà nước
NNPTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
TC	Tài chính
TNMT	Tài nguyên môi trường
TP	Tư pháp
TTTT	Thông tin truyền thông
VHTTDL	Văn hóa, thể thao, du lịch
XD	Xây dựng

Danh mục Hình

Hình 1. Số lượng Nghị định về điều kiện kinh doanh ban hành 1/1/2018 – 2/12/2018	5
Hình 2. Kết quả chất lượng cắt giảm điều kiện kinh doanh trong 4 lĩnh vực rà soát	20
Hình 3. Kết quả điều kiện kinh doanh cắt bỏ và sửa đổi thực chất, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp	23
Hình 4. Số điều kiện kinh doanh quy định chung chung, thiếu rõ ràng, khó tiên liệu và tạo rủi ro cho doanh nghiệp trong 4 lĩnh vực rà soát	24
Hình 5. Tỷ lệ doanh nghiệp phải xin Giấy phép kinh doanh có điều kiện và tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khi xin Giấy phép kinh doanh có điều kiện	25

Danh mục Bảng

Bảng 1. Danh mục các Nghị định bãi bỏ, sửa đổi về các quy định về điều kiện kinh doanh được ban hành trong năm 2018 (Tính đến ngày 2/12/2018)	6
Bảng 2. Tổng hợp kết quả đánh giá chất lượng điều kiện kinh doanh trong 4 lĩnh vực rà soát	21

Chương I. Yêu cầu và các nguyên tắc cắt giảm điều kiện kinh doanh

1.1. Rà soát các Nghị quyết của Chính phủ về yêu cầu cắt giảm điều kiện kinh doanh

Cải cách các quy định về điều kiện kinh doanh nhằm thúc đẩy cạnh tranh, khuyến khích phát triển doanh nghiệp là trọng tâm của Chính phủ trong những năm gần đây. Nội dung cải cách này được Chính phủ nêu tại nhiều văn bản như Nghị quyết số 19/NQ-CP (các năm 2016-2018); số 83/NQ-CP ngày 31/08/2017; Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03/10/2017; Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018; Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 13/7/2018; và các văn bản chỉ đạo khác. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ đã giao các bộ cắt giảm 50% điều kiện kinh doanh, 50% danh mục hàng hoá kiểm tra chuyên ngành thuộc trách nhiệm quản lý của các bộ, ngành; trước ngày 15/8/2018 hoàn thành việc trình cấp có thẩm quyền các văn bản đề thực thi phương án đơn giản hóa điều kiện kinh doanh bằng hình thức một văn bản sửa nhiều văn bản theo quy trình, thủ tục rút gọn.

Các Nghị quyết phiên họp thường kỳ các tháng 6, 7, 8 (năm 2017) và Nghị quyết phiên họp Chính phủ chuyên đề xây dựng pháp luật đều yêu cầu các bộ rà soát, loại bỏ các điều kiện kinh doanh bất hợp lý. Cụ thể là:

- Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 7 năm 2017 (số 75/NQ-CP ngày 9/8/2017) giao rõ nhiệm vụ cho các Bộ rà soát các điều kiện kinh doanh theo nguyên tắc thị trường của OECD, đề xuất bãi bỏ các điều kiện hạn chế cạnh tranh.

- Nghị quyết số 83/NQ-CP phiên họp Chính phủ chuyên đề về xây dựng pháp luật ngày 31/08/2017 tiếp tục nêu rõ: *“Giao các Bộ, cơ quan ngang bộ nghiên cứu..., chủ động đề xuất bãi bỏ các điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết, không phù hợp; tăng cường lấy ý kiến, đối thoại với doanh nghiệp, hiệp hội để tạo sự đồng thuận, tính minh bạch trong việc ban hành các điều kiện đầu tư kinh doanh, đồng thời với việc rà soát, chủ động sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến đầu tư, kinh doanh”* (điểm 10).

- Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 3/10/2017 ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 3/6/2017 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa xác định: *“Bãi bỏ các rào cản, quy định điều kiện kinh doanh không cần thiết, bất hợp lý, mở rộng khả năng tham gia thị trường, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng”*; *“Tiếp tục, rà soát, đánh giá, đề xuất bãi bỏ ít nhất từ 1/3 đến 1/2 số điều kiện kinh*

doanh hiện hành trong lĩnh vực quản lý và thủ tục hành chính, đang gây cản trở, khó khăn cho hoạt động đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp” (điểm 2, mục II).

- Nghị quyết 01 của Chính phủ ngày 1/1/2018 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 nhấn mạnh: “Cải thiện căn bản, tạo chuyển biến mạnh mẽ các chỉ tiêu về môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh, trong đó tập trung cải cách toàn diện hoạt động kiểm tra chuyên ngành, bảo đảm cắt giảm, đơn giản hóa 50% danh mục hàng hóa, sản phẩm và thủ tục kiểm tra chuyên ngành; cắt giảm, đơn giản hóa 50% điều kiện đầu tư kinh doanh” (điểm 1.10, mục II).

- Tiếp đến, Nghị quyết 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia tiếp tục khẳng định: “Hoàn thành việc bãi bỏ, đơn giản hóa 50% điều kiện đầu tư, kinh doanh; kiến nghị bãi bỏ một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư” (điểm 3, mục II).

1.2. Các nguyên tắc quy định về điều kiện kinh doanh và tiêu chí rà soát chất lượng cắt giảm điều kiện kinh doanh

Nhằm tạo môi trường kinh doanh minh bạch, thuận lợi, khuyến khích doanh nghiệp phát triển và sáng tạo, giảm chi phí và rủi ro cho doanh nghiệp, trong quá trình rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định về điều kiện kinh doanh, các Bộ, ngành cần lưu ý tới một số nguyên tắc sau:

(1) Tôn trọng quyền tự do kinh doanh và sáng tạo của người dân, doanh nghiệp.

(2) Không được soạn thảo và ban hành quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh.

(3) Quy định về điều kiện kinh doanh phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về sự cần thiết, hiệu lực, hiệu quả, hợp lý, đầy đủ, rõ ràng, cụ thể, chính xác, dễ hiểu, tiên liệu trước được và không trực tiếp hoặc gián tiếp hạn chế quyền tự do kinh doanh, sáng tạo và hạn chế cạnh tranh.

(4) Không can thiệp quá mức vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

(5) Trường hợp quy định về điều kiện kinh doanh thiếu rõ ràng dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau thì áp dụng theo cách hiểu có lợi nhất cho doanh nghiệp.

(6) Trường hợp bổ sung, sửa đổi quy định về điều kiện kinh doanh dẫn đến doanh nghiệp đang kinh doanh phải đầu tư thêm để đảm bảo tuân thủ quy

định mới về điều kiện kinh doanh thì doanh nghiệp đó được miễn áp dụng hoặc phải được hỗ trợ tài chính để đảm bảo tuân thủ quy định mới đó.

Trong nghiên cứu này, việc rà soát, đánh giá chất lượng cắt giảm điều kiện kinh doanh được phân tích dựa trên các tiêu chí cụ thể như sau:

- (i) Điều kiện kinh doanh được cắt bỏ, hoặc sửa đổi theo hướng đơn giản hoá, thực sự tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.
- (ii) Điều kiện kinh doanh được cắt bỏ, hoặc sửa đổi, nhưng là những điều kiện kinh doanh ít có ý nghĩa. Việc bãi bỏ hoặc sửa đổi không thực sự giảm rào cản một cách có ý nghĩa cho doanh nghiệp.
- (iii) Điều kiện kinh doanh bãi bỏ theo hướng không liệt kê cụ thể mà quy định tuân thủ theo pháp luật liên quan hoặc các điều kiện kinh doanh bãi bỏ do bị trùng lặp. Việc bãi bỏ này không thực chất và không được coi là bãi bỏ.
- (iv) Sửa đổi dưới hình thức diễn đạt lại quy định về điều kiện kinh doanh, không phải đơn giản hoá/ hoặc gộp nhiều điều kiện kinh doanh thành một điều kiện kinh doanh / hoặc sửa đổi, nhưng không thực sự đơn giản hoá, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.
- (v) Sửa đổi, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh, thực sự tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.
- (vi) Bổ sung hoặc sửa đổi điều kiện kinh doanh gây khó khăn hơn cho doanh nghiệp.

Quy định về điều kiện kinh doanh cần đảm bảo các tiêu chí như: (i) Sự cần thiết (có ý nghĩa quản lý); (ii) Rõ ràng, cụ thể; (iii) Tiên liệu trước được; (iv) Không được can thiệp quá mức vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy, nghiên cứu này cũng sẽ tiếp tục rà soát, nhận diện các điều kiện kinh doanh không đáp ứng được các tiêu chí này.

Ngoài ra, các quy định về chứng chỉ hành nghề đang được áp dụng phổ biến trong nhiều lĩnh vực, trong đó nhiều chứng chỉ hành nghề chỉ mang tính hình thức, thiếu chất lượng thực chất và còn tạo rào cản, gây tốn kém chi phí cho người dân, doanh nghiệp, trong khi không có ý nghĩa nhiều về đảm bảo được chất lượng. Vì thế, trong các lĩnh vực rà soát, nghiên cứu này nhận diện các chứng chỉ hành nghề không có ý nghĩa quản lý nhà nước hoặc yêu cầu về đào tạo hạn chế chỉ do cơ quan quản lý nhà nước tổ chức, cấp chứng chỉ và không thực hiện xã hội hoá.

Trong phạm vi nghiên cứu này, báo cáo tập trung rà soát sâu 4 lĩnh vực có các Nghị định bãi bỏ, sửa đổi điều kiện kinh doanh được ban hành năm 2018. Cụ thể là:

- (i) Văn hoá, thể thao và du lịch
- (ii) Thông tin truyền thông

(iii) Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(iv) Xây dựng

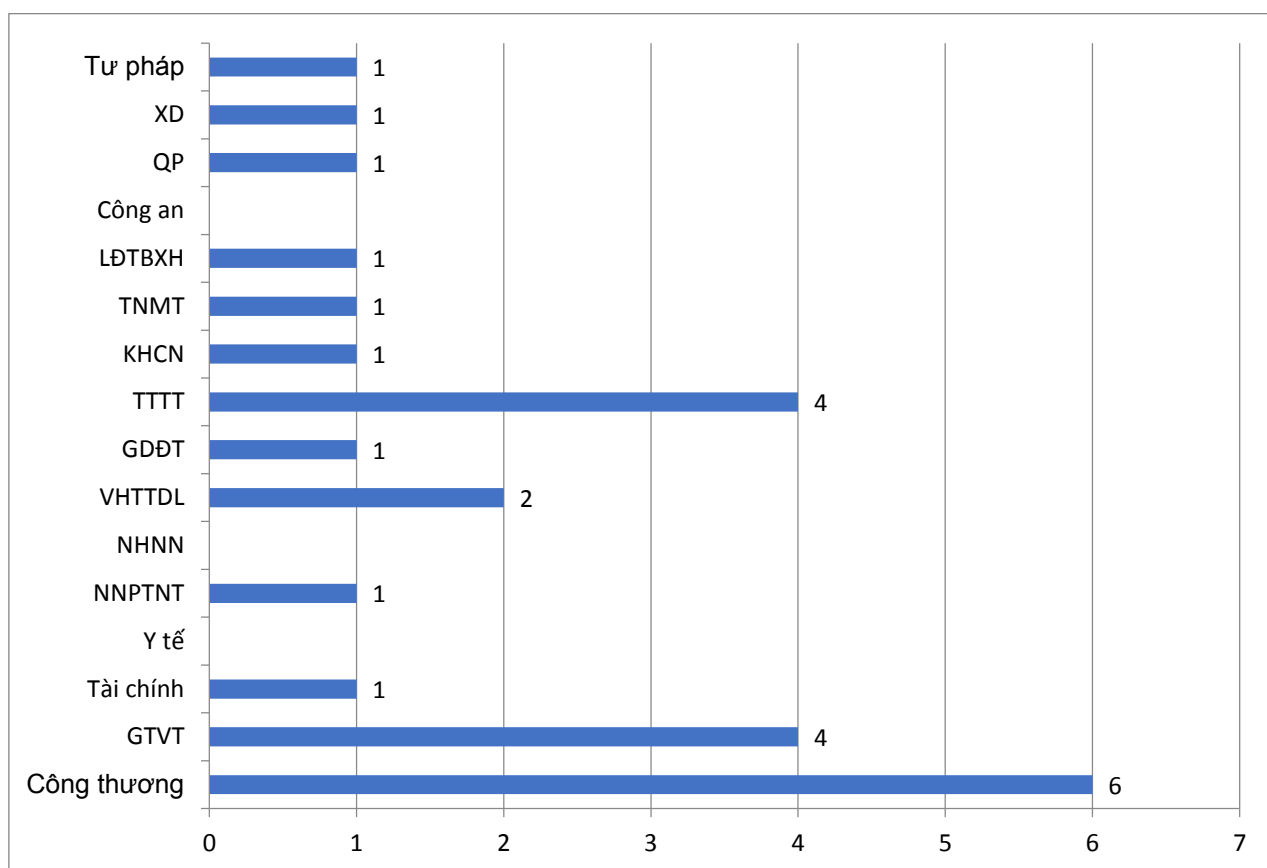
Trong đó, hai lĩnh vực là Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Xây dựng được triển khai rà soát, lên phương án cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh từ cuối năm 2017. Hai lĩnh vực Văn hoá, thể thao, du lịch và Thông tin truyền thông triển khai chậm hơn, thực hiện trong quý II và III năm 2018.

Chương II. Đánh giá chung về kết quả cắt giảm điều kiện kinh doanh năm 2018

2.1. Kết quả ban hành các văn bản cắt giảm, đơn giản hóa về điều kiện kinh doanh năm 2018

Theo yêu cầu của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành được giao thực hiện cắt giảm 50% điều kiện kinh doanh thuộc trách nhiệm quản lý của các bộ, ngành; trước ngày 31/10/2018 các Nghị định bãi bỏ, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh được ban hành. Thực hiện nhiệm vụ này, đa số các Bộ đã hoàn thành việc xây dựng các Nghị định về điều kiện kinh doanh và được Chính phủ thông qua. Năm 2018 (tính đến ngày 2/12/2018), có 26 Nghị định về điều kiện kinh doanh được ban hành.

Hình 1. Số lượng Nghị định về điều kiện kinh doanh ban hành 1/1/2018 – 2/12/2018



Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp

Chi tiết các Nghị định về điều kiện kinh doanh (Nghị định sửa đổi chung và Nghị định sửa đổi riêng) được ban hành trong năm 2018 thể hiện trong Bảng 1 dưới đây. Trong đó:

- Bộ Công thương triển khai thực hiện sớm nhất và có số văn bản được ban hành nhiều nhất: 6 Nghị định (trong đó 1 Nghị định chung về điều kiện kinh doanh và 5 Nghị định có quy định về điều kiện kinh doanh).

- Bộ Thông tin truyền thông có 4 Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh được ban hành (trong đó 1 Nghị định chung về điều kiện kinh doanh và 3 Nghị định có quy định về điều kiện kinh doanh).

- Có 03 lĩnh vực dự thảo Nghị định chưa được ban hành, gồm: Giao thông vận tải (còn 5 Nghị định sửa riêng từng Nghị định chưa được ban hành); Y tế; Ngân hàng nhà nước.

- Bộ Công an không đề xuất sửa đổi Nghị định về điều kiện kinh doanh.

Bảng 1. Danh mục các Nghị định bãi bỏ, sửa đổi về các quy định về điều kiện kinh doanh được ban hành trong năm 2018 (Tính đến ngày 2/12/2018)

STT	Số Nghị định	Ngày ban hành	Tên Nghị định	Bộ chủ trì soạn thảo
1	154/2018/NĐ-CP	09/11/2018	Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành	KHCN
2	151/2018/NĐ-CP	07/11/2018	Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính	TC
3	150/2018/NĐ-CP	07/11/2018	Sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông	TTTT
4	147/2018/NĐ-CP	24/10/2018	Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải	GTVT
5	142/2018/NĐ-CP	09/10/2018	Sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	VHTTDL
6	140/2018/NĐ-CP	08/10/2018	Sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	LĐTBXH
7	139/2018/NĐ-CP	08/10/2018	Quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới	GTVT
8	138/2018/NĐ-CP	08/10/2018	Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số	GTVT

	CP		65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe	
9	136/2018/NĐ-CP	05/10/2018	Sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường	TNMT
10	135/2018/NĐ-CP	04/10/2018	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục	GDĐT
11	130/2018/NĐ-CP	27/09/2018	Quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số	TTTT
12	128/2018/NĐ-CP	24/09/2018	Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa	GTVT
13	124/2018/NĐ-CP	19/09/2018	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trọng tài thương mại	TP
14	123/2018/NĐ-CP	17/09/2018	Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp	NNPTNT
15	107/2018/NĐ-CP	15/08/2018	Về kinh doanh xuất khẩu gạo	CT
16	100/2018/NĐ-CP	16/07/2018	Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng	
17	87/2018/NĐ-CP	15/06/2018	Về kinh doanh khí	CT
18	74/2018/NĐ-CP	15/05/2018	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa	KHCN
19	71/2018/NĐ-CP	15/05/2018	Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ	CT

20	69/2018/NĐ-CP	15/05/2018	Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương	CT
21	53/2018/NĐ-CP	16/04/2018	Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự	QP
22	27/2018/NĐ-CP	01/03/2018	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng	TTTT
23	25/2018/NĐ-CP	28/02/2018	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in	TTTT
24	22/2018/NĐ-CP	23/02/2018	Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan	VHTTDL
25	09/2018/NĐ-CP	15/01/2018	Quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	CT
26	08/2018/NĐ-CP	15/01/2018	Sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương	CT

Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp

Nếu phân theo lĩnh vực quản lý nhà nước, các Nghị định về điều kiện kinh doanh cụ thể như sau:

(I) Công thương (gồm 01 Nghị định sửa đổi chung và 05 Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh)

(1) Nghị định 107/2018/NĐ-CP ngày 15/08/2018 Về kinh doanh xuất khẩu gạo.

(2) Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/06/2018 Về kinh doanh khí.

(3) Nghị định 69/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

(4) Nghị định 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.

(5) Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 Quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

(6) Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 Sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương.

(II) GTVT (4/9 Nghị định được ban hành)

(1) Nghị định 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.

(2) Nghị định 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 Quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

(3) Nghị định 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

(4) Nghị định 128/2018/NĐ-CP ngày 24/09/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa.

(III) Tài chính

(1) NĐ 151/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

(IV) Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

(1) Nghị định 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông thôn.

(V) Giáo dục và Đào tạo

(1) Nghị định 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

(VI) Ngân hàng nhà nước

Đã xây dựng và trình Chính phủ dự thảo Nghị định, nhưng chưa được ban hành.

(VII) Văn hoá, thể thao, du lịch

(1) Nghị định 142/2018/NĐ-CP ngày 9/10/2018 về sửa đổi một số quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(2) Nghị định 22/2018/NĐ-CP ngày 23/2/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan.

(VIII) Khoa học và Công nghệ

(1) Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.

(IX) Thông tin truyền thông

(1) Nghị định 150/2018/NĐ-CP ngày 7/11/2018 Sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

(2) Nghị định 130/2018/NĐ-CP ngày 27/09/2018 Quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

(3) Nghị định 27/2018/NĐ-CP ngày 1/3/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

(4) Nghị định 25/2018/NĐ-CP ngày 28/2/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

(X) Tài nguyên môi trường

(1) Nghị định 136/2018/NĐ-CP ngày 5/10/2018 Sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

(XI) Lao động, thương binh và xã hội

(1) Nghị định 140/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 Sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

(XII) Xây dựng

(1) Nghị định 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

(XIII) Tư pháp

(1) Nghị định 124/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trọng tài thương mại.

Như vậy, tính đến ngày 2/12/2018, nhìn chung hầu hết các bộ, ngành đã ban hành các Nghị định sửa đổi chung về điều kiện kinh doanh; trong đó Bộ Công thương là Bộ thực hiện sớm nhất yêu cầu về cắt giảm điều kiện kinh doanh. Hai Bộ (gồm Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Xây dựng) tuy triển khai rà soát từ năm 2017, nhưng cũng phải đến quý II năm 2018 các Nghị định sửa đổi chung về điều kiện kinh doanh mới được ban hành. Các Bộ, ngành khác hầu hết đến quý II năm 2018 mới thực hiện rà soát. Và để kịp tiến độ ban hành Nghị định theo yêu cầu của Chính phủ riêng trong tháng 10 và đến giữa tháng 11 năm 2018, có 10 Nghị định được ban hành. Điều này cũng đặt ra những lo lắng nhất định về chất lượng cắt giảm điều kiện kinh doanh do trong thời gian ngắn mà số lượng dự thảo Nghị định trình và ban hành nhiều, dẫn tới khả năng kiểm soát chất lượng cắt giảm điều kiện kinh doanh bị hạn chế.

Hơn nữa, các Nghị định sửa đổi nhiều Nghị định về điều kiện kinh doanh tuy được ban hành theo quy trình rút gọn, do đó việc tham vấn rộng rãi và thời gian cho ý kiến phản biện, góp ý cũng bị hạn chế. Bởi vậy, việc rà soát chi tiết các Nghị định sửa đổi về điều kiện kinh doanh là cần thiết để nhận diện những điểm còn tồn tại, những điều kiện kinh doanh không cần thiết, không hợp lý, không có ý nghĩa quản lý, khó tiên liệu và thiếu cụ thể để kiến nghị tiếp tục bãi bỏ, đơn giản hoá. Đặc biệt, trong một số ít trường hợp, Nghị định sửa đổi bổ sung thêm điều kiện kinh doanh thậm chí gây khó khăn hơn cho doanh nghiệp.

Ngoài ra, một số ít Bộ có quản lý về điều kiện kinh doanh, nhưng với lập luận về tính đặc thù, sự cần thiết để không đưa ra phương án cắt giảm như điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công an. Trong khi đó, trên thực tế, một số điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực này chỉ là hình thức, thiếu thực chất, tạo rào cản cho doanh nghiệp.

2.2. Lĩnh vực và các văn bản được rà soát, đánh giá về chất lượng cắt giảm điều kiện kinh doanh

Như đã trình bày ở trên, nghiên cứu này phân tích, đánh giá sâu chất lượng cắt giảm điều kiện kinh doanh trong 4 lĩnh vực, gồm: (i) Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; (ii) Xây dựng; (iii) Thông tin truyền thông; và (iv) Văn hoá, thể thao và du lịch. Việc phân tích chất lượng cắt giảm điều kiện kinh doanh dựa trên các tiêu chí được xác định trong mục 1.2 của nghiên cứu này. Cụ thể trong các lĩnh vực lựa chọn nghiên cứu, báo cáo này rà soát và đánh giá các văn bản cụ thể liên quan như sau:

(1) *Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*: Rà soát chi tiết 5 Nghị định liên quan, gồm:

- Nghị định 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 sửa đổi, bổ sung Nghị định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.
- Nghị định 123/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung 03 Nghị định, bao gồm
 - Nghị định 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 quy định chi tiết một số điều của Luật thú y
 - Nghị định 66/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm
 - Nghị định 39/2017/NĐ-CP ngày 4/4/2017 về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

(2) *Lĩnh vực xây dựng*: Rà soát chi tiết 7 Nghị định liên quan, gồm:

- Nghị định 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
 - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
 - Nghị định số 79/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư, kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản.
 - Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 5 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng.
 - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
 - Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 06 năm 2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị.

- Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28 tháng 09 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị.

(3) *Lĩnh vực Thông tin truyền thông*: Rà soát chi tiết 11 Nghị định liên quan, gồm:

- Nghị định 150/2018/NĐ-CP ngày 7/11/2018 Sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

- Nghị định 130/2018/NĐ-CP ngày 27/09/2018 Quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

- Nghị định 27/2018/NĐ-CP ngày 1/3/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Nghị định 25/2018/NĐ-CP ngày 28/2/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.

- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.

- Nghị định số 170/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số và Nghị định số 106/2011/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007.

- Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 07 năm 2013 của Chính phủ về Quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng.

- Nghị định số 106/2011/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 02 năm 2007 quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

- Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 06 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính.

- Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

(4) *Lĩnh vực Văn hóa, thể thao, du lịch*: Rà soát chi tiết 11 Nghị định liên quan, gồm:

- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 9/10/2018 về sửa đổi một số quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Nghị định số 22/2018/NĐ-CP ngày 23/2/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan.

- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.

- Nghị định số 106/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.

- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

- Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 03 năm 2016 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.

- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.

- Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ Quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 09 năm 2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.

- Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 05 năm 2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12.

- Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ Ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng.

2.3. Một số đánh giá chung về kết quả cắt giảm điều kiện kinh doanh

Rà soát các Nghị định về điều kiện kinh doanh ban hành trong năm 2018 cho thấy một số điều kiện kinh doanh không cần thiết, không hợp lý, thiếu rõ

ràng đã được cắt bỏ; rút ngắn yêu cầu về thời gian; giảm các yêu cầu về số lượng; cắt bỏ và đơn giản hóa điều kiện kinh doanh về địa điểm và cơ sở vật chất;... Một số điều kiện kinh doanh quy định không rõ ràng (như các điều kiện về phương tiện, trang thiết bị, nhân lực “phù hợp”,...) đã được cắt bỏ. Ví dụ như:

- Bộ Thông tin truyền thông được ghi nhận cải cách cắt giảm thực chất các điều kiện kinh doanh trong hoạt động in. Theo đó, một số điều kiện kinh doanh gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong một thời gian dài, được kiến nghị nhiều lần bởi nhiều bên khác nhau, đã được cởi bỏ, tạo thuận lợi thực chất cho doanh nghiệp. Cụ thể là Nghị định 25/2018/NĐ-CP ngày 28/2/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in đã tháo bỏ một số điều kiện kinh doanh sau:

+ *Bỏ yêu cầu là doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, hộ kinh doanh về hoạt động in (kể cả cơ sở in hoạt động độc lập và trực thuộc doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác).*

+ *Bỏ yêu cầu về có đủ điều kiện về an ninh - trật tự, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.*

+ *Bỏ yêu cầu có người đứng đầu là công dân Việt Nam, thường trú hợp pháp tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có trình độ cao đẳng trở lên về chuyên ngành in hoặc được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hoạt động in.*

+ *Bỏ quy định Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết một số nội dung về điều kiện kinh doanh.*

- Bộ Xây dựng đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực quản lý xây dựng (như giảm các điều kiện kinh doanh về nhân lực và thời gian). Ví dụ như:

+ Bãi bỏ yêu cầu kinh doanh về vật liệu xây dựng;

+ Yêu cầu về Tổ chức tham gia hoạt động giám sát thi công xây dựng phải đáp ứng các điều kiện tương ứng với các hạng năng lực trước đây được quy định (đối với Hạng 1): “...Có ít nhất 10 người có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hạng I phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực...” được quy định đơn giản hoá: “...Cá nhân đảm nhận chức danh giám sát trưởng có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hạng I, giám sát viên có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực...”.

Những cởi trói này tuy chưa nhiều, nhưng đã thực sự tạo niềm tin cho doanh nghiệp vào những nỗ lực của Chính phủ về tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, thúc đẩy doanh nghiệp phát triển. Do vậy, việc tiếp tục thực hiện cải

cách quy định và thực thi về cải cách về điều kiện kinh doanh là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư và tạo động lực cho tăng trưởng và phát triển kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và của nền kinh tế.

Theo báo cáo của các Bộ thì hầu hết kết quả cắt giảm điều kiện kinh doanh đạt trên 50%, đạt mục tiêu theo chỉ đạo tại Nghị quyết. Tuy nhiên, qua rà soát nội dung cắt giảm điều kiện kinh doanh trong 4 lĩnh vực vẫn cho thấy còn tồn tại các rào cản về điều kiện kinh doanh như:

(1) Các điều kiện kinh doanh chung (như Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, phòng cháy chữa cháy, lao động, môi trường) không quy định cụ thể mà thay vào đó là quy định thực hiện theo pháp luật.

(2) Một số điều kiện kinh doanh được bãi bỏ là các quy định chung, hoặc điều kiện kinh doanh được cắt bỏ một phần nội dung; cắt bỏ do bị trùng lặp trong quy định. Một số điều kiện kinh doanh sửa đổi, có thể chỉ là sửa câu chữ hoặc sửa nội dung, nhưng chưa thực sự đơn giản hoá. Thậm chí, có điều kiện kinh doanh sửa đổi với mục đích tránh gây sự chú ý, chứ thực chất không có ý nghĩa cải cách nào. Ví dụ như:

Điều 6. Điều kiện đối với tổ chức thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật (tại Nghị định 66/2017/NĐ-CP ngày 1/7/2016) quy định: “*Người quản lý, điều hành ... có Giấy chứng nhận tập huấn khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật do cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp*”.

Được sửa thành: “*Người trực tiếp quản lý, điều hành ... có Giấy chứng nhận tập huấn khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật*”.

(3) Vẫn còn những điều kiện kinh doanh không phù hợp, không cần thiết, không đạt hiệu quả quản lý chưa được cắt giảm. Ví dụ như: Các quy định về đào tạo, cấp chứng chỉ bởi các cơ quan quản lý nhà nước vẫn tồn tại khá phổ biến. Các điều kiện kinh doanh được ẩn dưới quy định “thực hiện theo quy định của Bộ quản lý” chưa được cắt bỏ. Cá biệt một số nội dung thay đổi thực hiện mang tính hình thức, hơn là mục tiêu vì cải cách, vì doanh nghiệp. Vì vậy, chưa thể hiện được thực chất tinh thần “cắt giảm”.

- Điều kiện kinh doanh thay vì quy định cụ thể thì được lồng ghép dưới hình thức tuân thủ theo các quy chuẩn và tiêu chuẩn quốc gia.

- Điều kiện kinh doanh sửa đổi thậm chí gây khó khăn hơn cho doanh nghiệp. Ví dụ như:

Về Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng, Nghị định 59/2015/NĐ-CP quy định: “...*Hạng I: Đã trực tiếp giám sát thi công phần việc*

liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 1 (một) công trình cấp I hoặc 2 (hai) công trình cấp II cùng loại;...”

được sửa đổi tại Nghị định 100/2018/NĐ-CP như sau: “...Hạng I: Đã làm **giám sát trưởng hoặc chỉ huy trưởng** công trường hoặc chủ trì thiết kế xây dựng phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc 02 công trình từ cấp II trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề;...”

(g) Hồ sơ trong quy định sửa đổi nhiều hơn so với quy định cũ. Ví dụ như việc cấp Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.

Nghị định 59/2015/NĐ-CP quy định như sau:

“Điều 55. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng
Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng gồm các tài liệu sau:

1. Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo mẫu quy định của Bộ Xây dựng.

2. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do cơ sở hợp pháp cấp.

3. Bản khai kinh nghiệm công tác chuyên môn về hoạt động xây dựng liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo mẫu quy định của Bộ Xây dựng kèm theo bản sao các hợp đồng hoạt động xây dựng mà cá nhân đã tham gia thực hiện các công việc liên quan đến nội dung kê khai trong hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. Người kê khai phải chịu trách nhiệm về sự trung thực và tính chính xác của nội dung kê khai.”

Được sửa đổi tại Nghị định 100/2018/NĐ-CP như sau:

“Điều 55. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng

1. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề lần đầu, nâng hạng chứng chỉ hành nghề bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định này kèm theo 02 ảnh màu cỡ 4 x 6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng;

b) Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp.

Đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định và phải có bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam;

c) Chứng chỉ hành nghề đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trong trường hợp đề nghị nâng hạng chứng chỉ hành nghề.

d) Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư về

các công việc tiêu biểu mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai. Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận. Trường hợp cá nhân hành nghề độc lập thì phải có hợp đồng và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện tiêu biểu đã kê khai.

Đ) Giấy tờ hợp pháp về cư trú hoặc giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với trường hợp cá nhân là người nước ngoài.

e) Kết quả sát hạch đạt yêu cầu trong trường hợp đã sát hạch trước ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

g) Các tài liệu theo quy định tại điểm b, c, d và đ khoản này phải là bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu.”

(4) Vẫn còn nhiều quy định không rõ ràng, khó tiên liệu, tiềm ẩn rủi ro cho doanh nghiệp. Ví dụ như:

Điều 12. Điều kiện chung sản xuất thuốc thú y (Nghị định 35/2016/NĐ-CP)

- Khoản 3 quy định: *“Kho chứa đựng nguyên liệu, phụ liệu, thuốc thành phẩm có diện tích phù hợp với quy mô sản xuất”.*

- Khoản 4 quy định: *“Có giá, kệ để nguyên liệu, phụ liệu, bao bì, thuốc thành phẩm; có thiết bị, phương tiện để bảo đảm Điều kiện bảo quản.”*

(5) Chứng chỉ hành nghề chỉ do các cơ quan QLNN cấp tồn tại ở hầu hết các lĩnh vực (nhất là trong lĩnh vực xây dựng).

(6) Mở rộng thêm các quy định về điều kiện kinh doanh trong thủ tục hồ sơ. Ví dụ như:

Khoản 4, Điều 32d. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 tại NĐ 27/2018/NĐ-CP sửa NĐ 72/2013/NĐ-CP mở rộng thêm các yêu cầu gồm:

“b) Sơ đồ tổng thể hệ thống thiết bị cung cấp dịch vụ, địa điểm đặt hệ thống thiết bị cung cấp dịch vụ;

c) Mô tả chi tiết hệ thống thiết bị cung cấp dịch vụ cả Phần chính và Phần dự phòng bao gồm: Tên, chức năng, cấu hình dự kiến của từng thiết bị;

...

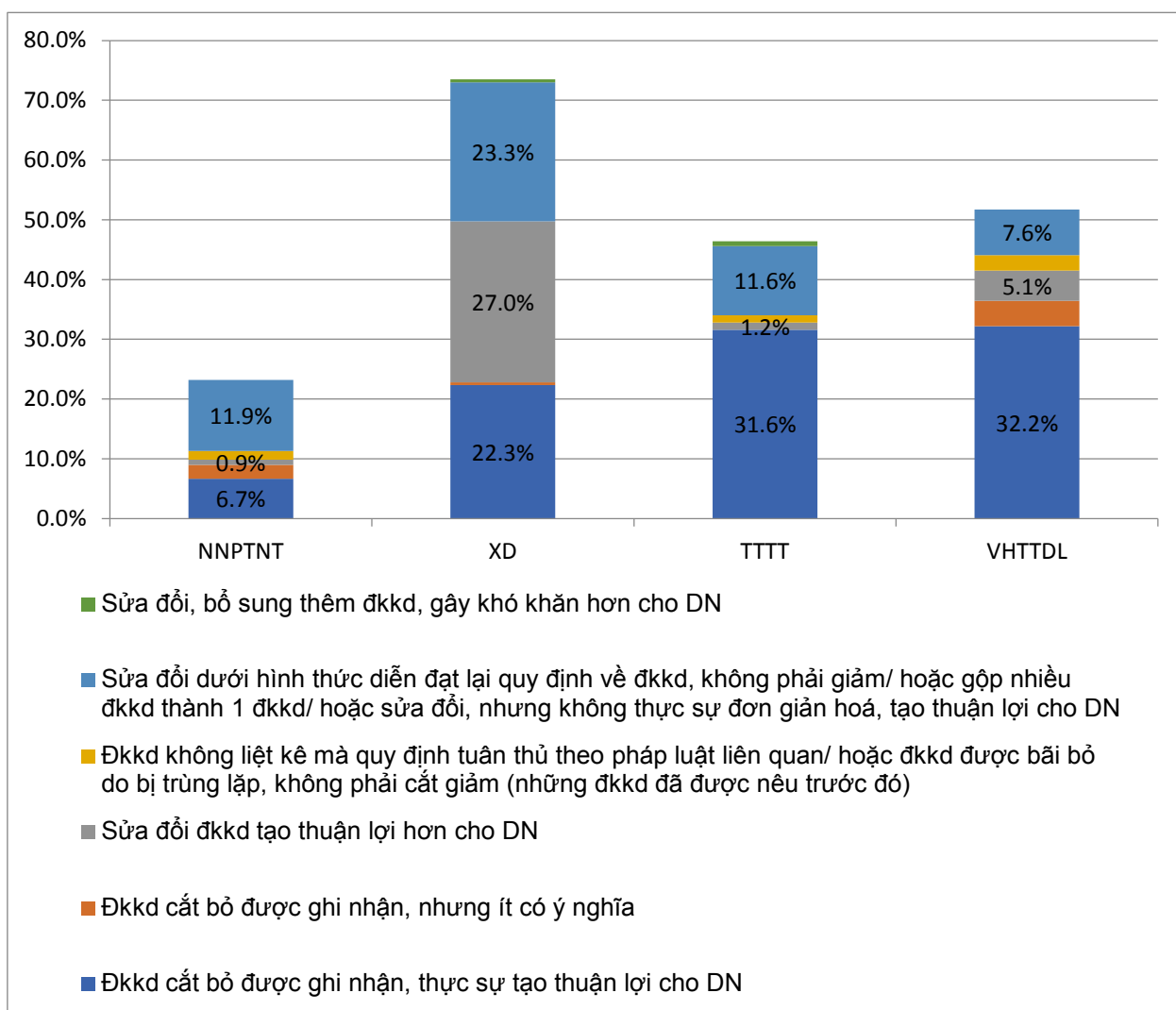
h) Mô tả chi tiết hệ thống thiết bị (Phần cứng, Phần mềm) giám sát hoạt động hệ thống cung cấp dịch vụ; kế hoạch sao lưu dữ liệu và phương án dự phòng về thiết bị, kết nối; quy trình vận hành, khai thác, cung cấp và sử dụng dịch vụ; kế hoạch bảo đảm bí mật, an toàn thông tin cá nhân của người chơi”.

(7) Theo báo cáo và phương án sửa đổi của các Bộ thì đạt hoặc vượt chỉ tiêu cắt giảm 50% điều kiện kinh doanh, nhưng nhiều điều kiện kinh doanh nằm trong các văn bản Luật và kế hoạch sửa Luật chưa rõ ràng.

- Nhìn chung, sơ bộ cho thấy các Nghị định sửa nhiều Nghị định về điều kiện kinh doanh không bổ sung thêm các điều kiện kinh doanh mới, nhưng với các Dự thảo Nghị định sửa đổi riêng từng Nghị định thì có bổ sung thêm điều kiện kinh doanh mới.

Tổng hợp kết quả cụ thể rà soát theo các tiêu chí thể hiện qua Hình 2 dưới đây. Theo đó, lĩnh vực xây dựng có tỷ lệ cắt giảm, sửa đổi điều kiện kinh doanh cao nhất, đạt 73,5%; lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn có tỷ lệ 23,2%.

Hình 2. Kết quả chất lượng cắt giảm điều kiện kinh doanh trong 4 lĩnh vực rà soát



Nguồn: Rà soát, đánh giá của nhóm nghiên cứu

Chi tiết nhận diện theo các tiêu chí đối với 4 lĩnh vực rà soát được cụ thể hóa trong Bảng 2.

Bảng 2. Tổng hợp kết quả đánh giá chất lượng điều kiện kinh doanh trong 4 lĩnh vực rà soát

	Phân loại	Số đkkd cắt và sửa				Tỷ lệ (%) đkkd cắt và sửa				Trung bình
		NNPTNT	XD	TTTT	VHTTDL	NNPTNT	XD	TTTT	VHTTDL	
1	Đkkd cắt bỏ được ghi nhận, thực sự tạo thuận lợi cho DN	23	48	79	38	6.7%	22.3%	31.6%	32.2%	23.2%
2	Đkkd cắt bỏ được ghi nhận, nhưng ít có ý nghĩa	8	1	0	5	2.3%	0.5%	0.0%	4.2%	1.8%
5	Sửa đổi đkkd tạo thuận lợi hơn cho DN	3	58	3	6	0.9%	27.0%	1.2%	5.1%	8.5%
3	Đkkd không liệt kê mà quy định tuân thủ theo pháp luật liên quan/ hoặc đkkd được bãi bỏ do bị trùng lặp, không phải cắt giảm (những đkkd đã được nêu trước đó)	5	0	3	3	1.4%	0.0%	1.2%	2.5%	1.3%
4	Sửa đổi dưới hình thức diễn đạt lại quy định về đkkd, không phải giảm/ hoặc gộp nhiều đkkd thành 1 đkkd/ hoặc sửa đổi, nhưng không thực sự đơn giản hoá, tạo thuận lợi cho DN	41	50	29	9	11.9%	23.3%	11.6%	7.6%	13.6%
9	Sửa đổi, bổ sung thêm đkkd, gây khó khăn hơn cho DN	0	1	2	0	0.0%	0.5%	0.8%	0.0%	0.3%
	TỔNG đkkd (cắt và sửa)	80	158	116	61	23.2%	73.5%	46.4%	51.7%	48.7%
	Số đkkd trước rà soát	345	215	250	118					
	Cắt bỏ và sửa thực chất					9.9%	49.8%	32.8%	41.5%	33.5%
6	Vẫn còn các quy định chung chung, thiếu rõ ràng, khó xác định, khó tiên	5	3	7	0					

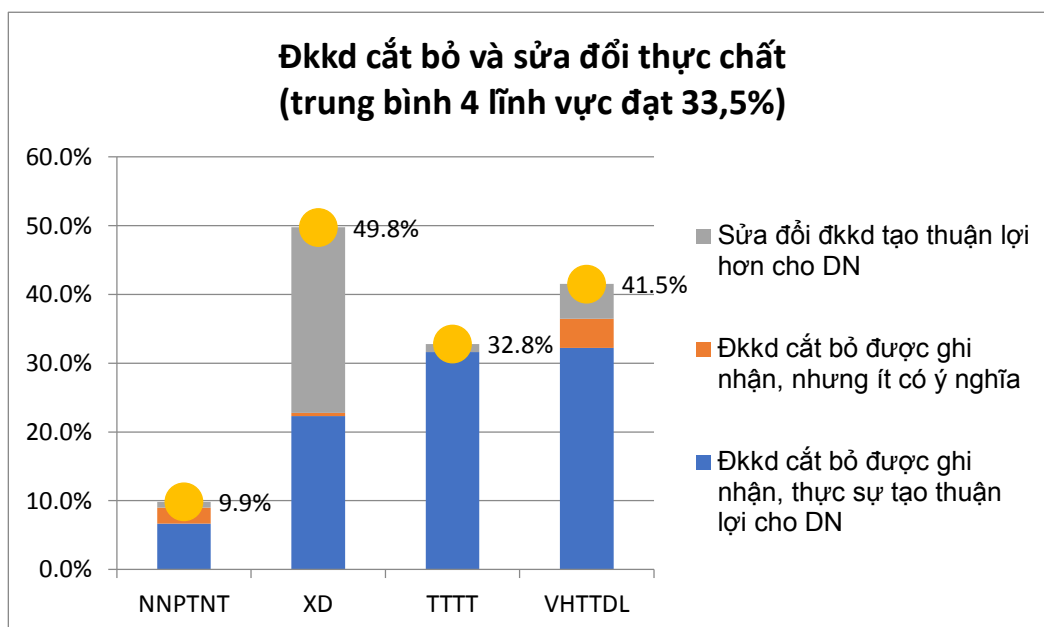
	lượng									
7	Chứng chỉ hành nghề không có ý nghĩa QLNN hoặc yêu cầu đào tạo chỉ do cơ quan QLNN tổ chức, không XHH	3	1	0	0					
8	Can thiệp quá mức vào hoạt động kinh doanh của DN	2	0	6	0					

Kết quả rà soát, đánh giá chất lượng cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh trong 4 lĩnh vực có thể tóm lược như sau:

- Trung bình khoảng 33,5% bãi bỏ và sửa đổi thực chất tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Trong đó, lĩnh vực xây dựng đạt 49,8%; văn hoá, thể thao và du lịch đạt 41,5%; thông tin truyền thông đạt 32,8%; song nông nghiệp và phát triển nông thôn chỉ đạt 9,9%.
- Những con số về điều kiện kinh doanh cắt giảm thực chất nêu trên có khoảng cách khá xa so với báo cáo và kết quả bãi bỏ, sửa đổi của các bộ, ngành. Ví dụ: Tổng số điều kiện kinh doanh cắt và sửa của các Bộ như sau: Xây dựng (73,5%); văn hoá, thể thao và du lịch (51,7%); thông tin truyền thông (46,4%); song nông nghiệp và phát triển nông thôn chỉ đạt (23,2%).

Theo báo cáo các bộ, ngành, hầu hết điều kiện kinh doanh đã được cắt bỏ, đơn giản hóa đạt yêu cầu Chính phủ đặt ra là 50%. Tuy nhiên khi nghiên cứu, khảo sát, đánh giá lại của chuyên gia độc lập cho thấy mức độ đạt được thực chất thấp hơn so với báo cáo và có sự khác biệt đáng kể giữa các lĩnh vực (xem Hình 3). Kết quả cho thấy trung bình trong 4 lĩnh vực được rà soát lại thì điều kiện kinh doanh được cắt bỏ và sửa đổi thực chất mới đạt 33,5%.

Hình 3. Kết quả điều kiện kinh doanh cắt bỏ và sửa đổi thực chất, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp

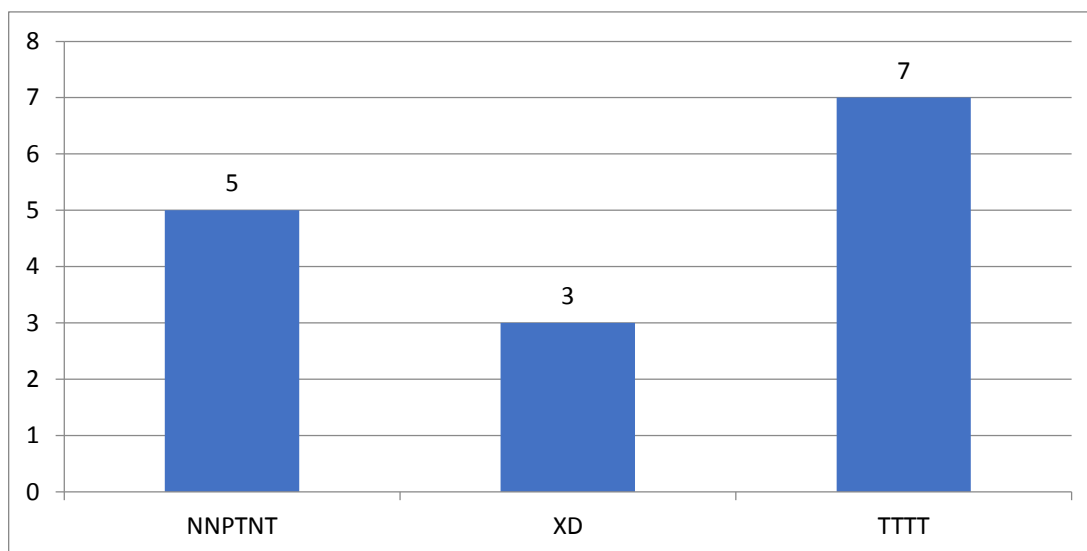


Nguồn: Kết quả rà soát, đánh giá của nhóm nghiên cứu

Ngoài ra, rà soát các văn bản đề cập ở trên liên quan tới 4 lĩnh vực cho thấy vẫn còn những điều kiện kinh doanh quy định chung chung, thiếu rõ ràng, khó tiên

liệu và tạo rủi ro cho doanh nghiệp. Trong lĩnh vực thông tin truyền thông, có 7 điều kiện kinh doanh thuộc diện này; nông nghiệp và phát triển nông thôn (5 điều kiện kinh doanh) và xây dựng (3 điều kiện kinh doanh).

Hình 4. Số điều kiện kinh doanh quy định chung chung, thiếu rõ ràng, khó tiên liệu và tạo rủi ro cho doanh nghiệp trong 4 lĩnh vực rà soát

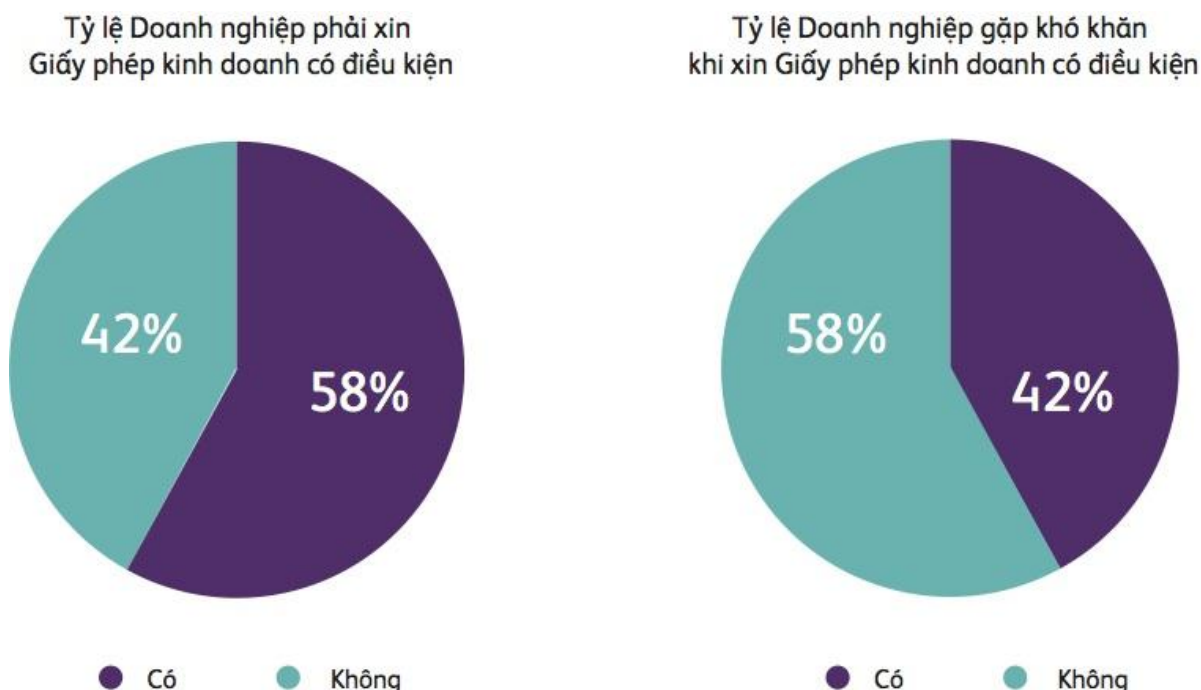


Nguồn: Kết quả rà soát của nhóm nghiên cứu

Dỡ bỏ rào cản về điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp; quản lý nhà nước về điều kiện kinh doanh theo cách tiếp cận quốc tế hiện đại là yêu cầu cần thiết nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, khuyến khích sáng tạo và thúc đẩy phát triển. Rà soát, đánh giá lại chất lượng cắt giảm điều kiện kinh doanh trong 4 lĩnh vực cho thấy kết quả đạt được chưa đáp ứng được yêu cầu của Chính phủ (cắt bỏ, đơn giản hoá 50% điều kiện kinh doanh) cũng như mong đợi của cộng đồng doanh nghiệp. Bên cạnh đó, do các Nghị định về điều kiện kinh doanh mới được ban hành nên chưa đủ thời gian để đánh giá hiệu lực, hiệu quả thực chất mà doanh nghiệp được hưởng lợi từ những cải cách này.

Kết quả điều tra của Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam năm 2018 cho thấy tỷ lệ doanh nghiệp phải xin Giấy phép kinh doanh có điều kiện còn cao (58% số doanh nghiệp được khảo sát. Mẫu khảo sát hơn 10.000 doanh nghiệp). Trong đó, 42% doanh nghiệp gặp khó khăn khi xin Giấy phép kinh doanh có điều kiện (xem Hình 5). Thực tế này cho thấy điều kiện kinh doanh vẫn đang tạo rào cản nặng nề, ảnh hưởng lớn, gây rủi ro cho doanh nghiệp.

Hình 5. Tỷ lệ doanh nghiệp phải xin Giấy phép kinh doanh có điều kiện và tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn khi xin Giấy phép kinh doanh có điều kiện



Nguồn: Khảo sát doanh nghiệp của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam năm 2018

Với kết quả nêu trên, cần tiếp tục rà soát, đánh giá lại chất lượng các điều kiện kinh doanh cắt giảm, từ đó tiếp tục đề xuất, kiến nghị cắt bỏ các điều kiện kinh doanh không cần thiết, không hợp lý, không có hiệu lực, hiệu quả hoặc đơn giản hoá các điều kiện kinh doanh nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Đồng thời, thực hiện giám sát, đánh giá kết quả thực thi các cải cách về điều kiện kinh doanh trên thực tế, đảm bảo doanh nghiệp được thụ hưởng kết quả cải cách một cách thực chất.

Ngoài ra, theo đề xuất của các bộ, ngành, nhiều điều kiện kinh doanh (đề xuất cắt bỏ, sửa đổi) được quy định tại các văn bản Luật, do vậy thời gian đạt mục tiêu cắt giảm 50% số điều kiện kinh doanh sẽ kéo dài hơn. Do vậy, thời gian tới cần kiến nghị Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, ngành rà soát toàn bộ các Luật về điều kiện kinh doanh, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giải pháp xử lý cụ thể.

Chương III. Một số nội dung đánh giá chi tiết về kết quả cắt giảm điều kiện kinh doanh trong 4 lĩnh vực rà soát

3.1. Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Tiêu chí kết quả cắt giảm	Một số ví dụ	Ghi chú
1	Đkkd cắt bỏ được ghi nhận, thực sự tạo thuận lợi cho doanh nghiệp	Bãi bỏ điều kiện tại Điều 18. Điều kiện nhập khẩu thuốc thú y: <i>“Phải có hệ thống sổ sách, các quy trình thao tác chuẩn bảo đảm cho việc bảo quản, kiểm soát, theo dõi việc xuất, nhập thuốc thú y”</i> .	sửa đổi Nghị định 35/2016/NĐ-CP
		Bỏ điểm d, Khoản 3, Điều 21. Điều 21. Điều kiện đầu tư kinh doanh cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm: <i>“d) Có hệ thống thông gió bảo đảm thông thoáng, thổi từ khu vực có yêu cầu vệ sinh cao sang khu vực có yêu cầu vệ sinh thấp hơn, không thổi từ khu vực vệ sinh sang khu vực sản xuất”</i> .	sửa đổi Nghị định 66/2016/NĐ-CP
2	Đkkd cắt bỏ được ghi nhận, nhưng chỉ là những đkkd ít có ý nghĩa	Bãi bỏ 02 điều kiện: <i>“Có hệ thống đèn chiếu sáng phù hợp”</i> tại Điều 12. Điều kiện chung sản xuất thuốc thú y Bãi bỏ điều kiện: - <i>“Có địa Điểm kinh doanh cố định và biển hiệu”</i> và - <i>“Có sổ sách, hóa đơn chứng từ theo dõi xuất, nhập hàng”</i> tại Điều 17. Điều kiện buôn bán thuốc thú y.	sửa đổi Nghị định 35/2016/NĐ-CP

		<p>Điều 3. Điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật</p> <p>Quy định cũ tại điểm c, Khoản 1: “c. Người lao động trực tiếp sản xuất thuốc bảo vệ thực vật được bồi dưỡng kiến thức về an toàn hóa chất hoặc thuốc bảo vệ thực vật <u>và có Giấy chứng nhận do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành hóa chất hoặc bảo vệ và kiểm dịch thực vật cấp</u>”.</p> <p>Được sửa thành: “...người lao động trực tiếp sản xuất thuốc bảo vệ thực vật phải được huấn luyện, bồi dưỡng về chuyên môn, kiến thức về thuốc bảo vệ thực vật”.</p>	<p>sửa đổi Nghị định 66/2016/NĐ-CP</p> <p>Cắt bỏ GCN do cơ quan QLNN chuyên ngành cấp, nhưng không rõ các khóa đào tạo này do đơn vị nào thực hiện? Có phải chỉ giới hạn do các Sở NNPTNT tổ chức hay không? Nếu chỉ do các Sở NNPTNT tổ chức đào tạo thì việc bãi bỏ GCN này không có ý nghĩa.</p>
3	<p>Đkkd không liệt kê mà quy định tuân thủ theo pháp luật liên quan/ hoặc các đkkd được bãi bỏ do bị trùng lặp (không phải cắt giảm)</p>	<p>Điều 12. Điều kiện chung sản xuất thuốc thú y</p> <p>Bỏ Điểm b và c, Khoản 1:</p> <p>“b) Không bị ô nhiễm từ môi trường bên ngoài;</p> <p>c) Không gây ảnh hưởng tới môi trường xung quanh”</p> <p>Bỏ đkkd: “Có hệ thống báo cháy, chữa cháy; thoát hiểm cho người theo quy định” tại điểm g, khoản 2 và “Có hệ thống báo cháy, chữa cháy; thoát hiểm cho người theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy” tại điểm e, khoản 3 do trùng lặp, không phải cắt giảm.</p>	<p>sửa đổi Nghị định 35/2016/NĐ-CP</p> <p>Những điều kiện kinh doanh này đã được quy định trước đó: “Tổ chức, cá nhân sản xuất thuốc thú y phải thực hiện theo quy định tại Điều 90 của Luật thú y; pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; pháp luật về bảo vệ môi trường; pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động,...”</p>
		<p>Bỏ một nội dung tại điểm a, Khoản 2, Điều 3. Điều kiện sản xuất</p>	<p>sửa đổi Nghị định</p>

	<p>thuốc bảo vệ thực vật: “Nhà xưởng, kho bảo quản thuốc bảo vệ thực vật ngoài khu công nghiệp khi xây dựng phải cách trường học, bệnh viện, chợ tối thiểu 500 m”. Tuy nhiên, việc cắt bỏ này không có ý nghĩa vì Nghị định sửa đổi yêu cầu “Nhà xưởng, kho bảo quản thuốc bảo vệ thực vật được bố trí trong khu công nghiệp”. Như vậy, nhà xưởng, kho bảo quản thuốc bảo vệ thực vật không được nằm ngoài khu công nghiệp.</p> <p>Bãi bỏ Khoản 2, Điều 5. Điều kiện đối với tổ chức hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật</p> <p>“Điều kiện đối với cá nhân được cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật</p> <p>Đã được tập huấn và kiểm tra chuyên môn về xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật theo chương trình do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định.”</p> <p>Tuy nhiên, việc bãi bỏ này không có ý nghĩa vì Nghị định sửa đổi quy định: “...người trực tiếp thực hiện xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật có Thẻ hành nghề do Cục Bảo vệ thực vật cấp”</p>	66/2016/NĐ-CP
--	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------

<p>4</p>	<p>Sửa đổi dưới hình thức diễn đạt lại quy định về đkkd, không phải giảm/ hoặc gộp nhiều đkkd thành 1 đkkd/ hoặc sửa đổi, nhưng không thực sự đơn giản hoá, tạo thuận lợi cho DN</p>	<p>- Điều 12. Điều kiện chung sản xuất thuốc thú y Điểm a, Khoản 1 quy định: “<i>Phải cách biệt với khu dân cư, công trình công cộng, bệnh viện, bệnh xá thú y, cơ sở chẩn đoán bệnh động vật, các nguồn gây ô nhiễm khác</i>”. Được sửa thành: “<i>Phải có khoảng cách an toàn với khu dân cư, công trình công cộng, bệnh viện, bệnh xá thú y, cơ sở chẩn đoán bệnh động vật, các nguồn gây ô nhiễm</i>”.</p> <p>Điểm c, Khoản 1 quy định: “<i>Nền nhà <u>cao ráo, mặt sàn nhẵn, không ran nứt, không trơn trượt</u>, không ngấm hoặc ứ đọng nước, dễ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc</i>”. Được sửa thành: “<i>Nền nhà không ngấm nước, dễ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc; tường và trần được làm bằng vật liệu bền, chắc, dễ vệ sinh</i>”.</p> <p>Mục e, khoản 2 quy định: “<i>e) Có hệ thống cấp và xử lý nước <u>sạch</u> bảo đảm cho sản xuất; có hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, chất thải <u>bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y và theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường</u></i>”. Được sửa thành: “<i>e) Có hệ thống cấp và xử lý nước, khí bảo đảm cho sản xuất; có hệ thống thoát nước, xử lý nước, khí thải, chất thải</i>”.</p> <p>- Điều 17. Điều kiện buôn bán thuốc thú y quy định: “<i>2. Có tủ, kệ, giá để chứa đựng các loại thuốc phù hợp.</i>”</p>	<p>sửa đổi Nghị định 35/2016/NĐ-CP</p>
----------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------

3. Có trang thiết bị bảo đảm Điều kiện bảo quản thuốc theo quy định.”

Được sửa thành: “2. Có đủ quầy, tủ, giá kệ để chứa, đựng và trưng bày sản phẩm phải đảm bảo chắc chắn, dễ vệ sinh và tránh được những tác động bất lợi của ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm, nấm mốc, động vật gặm nhấm và côn trùng gây hại”.

- Điều 19. Điều kiện đối với cơ sở kiểm nghiệm thuốc thú y quy định:

“2. Cơ sở vật chất đáp ứng an toàn sinh học, bảo đảm để kiểm nghiệm các chỉ tiêu vi sinh vật; có phòng sạch để phân tích các chỉ tiêu lý hóa”.

Được sửa thành “2. Có phòng xét nghiệm bảo đảm an toàn sinh học khi làm việc với vi sinh vật hoặc các sản phẩm có khả năng chứa vi sinh vật có nguy cơ gây bệnh truyền nhiễm cho người và động vật theo quy định của pháp luật về phòng, chống bệnh truyền nhiễm. Có phòng riêng để phân tích các chỉ tiêu lý hóa.”

“5. Có hệ thống xử lý chất thải, nước thải bảo đảm vệ sinh thú y, vệ sinh môi trường; có khu riêng biệt để xử lý động vật thí nghiệm được sử dụng kiểm nghiệm vắc xin, vi sinh vật.”

Được sửa thành “Có hệ thống xử lý chất thải, nước, khí thải; có khu riêng biệt để xử lý động vật thí nghiệm được sử dụng kiểm nghiệm vắc xin, vi sinh vật”.

		<p>“6. <u>Có trang thiết bị chuyên dùng</u> giữ giống vi sinh vật để phục vụ việc kiểm nghiệm”</p> <p>Được sửa thành “6. Có tủ lạnh, tủ lạnh âm sâu giữ giống vi sinh vật để phục vụ việc kiểm nghiệm”</p>	
		<p>Khoản 4, Điều 7. Điều kiện đối với cơ sở sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi, thủy sản</p> <p>Quy định cũ: “c) Có kho bảo quản các loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thủy sản cần chế độ bảo quản riêng theo khuyến cáo của nhà sản xuất.”</p> <p>Được sửa thành: “c. Có kho bảo quản các loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo khuyến cáo của nhà sản xuất”.</p> <p>Quy định cũ: “e. Có giải pháp về thiết bị, dụng cụ (quạt, sàng, nam châm...) để kiểm soát các tạp chất (cát sạn, kim loại) ảnh hưởng đến chất lượng nguyên liệu đầu vào”.</p> <p>Được sửa thành: “e) Có giải pháp về thiết bị, dụng cụ để kiểm soát cát sạn, kim loại.”</p> <p>Quy định cũ: “g) Có giải pháp phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật và phòng, chống chuột, chim, động vật gây hại khác.</p> <p>h) Có thiết bị hút bụi, xử lý chất thải phù hợp để tránh nhiễm bẩn</p>	<p>sửa đổi Nghị định 39/2017/NĐ-CP</p> <p>Chủ yếu là sửa câu chữ (diễn đạt cho ngắn gọn)</p>

		<p><i>cho sản phẩm và đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định.”</i> Được sửa thành: “<i>Có giải pháp phòng, chống chuột, chim, động vật gây hại khác; Có thiết bị hút bụi, xử lý chất thải”.</i></p> <p>Điều 8. Điều kiện đối với cơ sở mua bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản</p> <p>Quy định cũ: “<i>1. Thức ăn chăn nuôi, thủy sản tại nơi bày bán, kho chứa phải cách biệt với thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, hóa chất độc hại khác.”</i></p> <p>Được sửa thành: “<i>1. Nơi bày bán, kho chứa thức ăn chăn nuôi, thủy sản phải được tách biệt với thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, hóa chất độc hại khác”.</i></p> <p>Quy định cũ: “<i>2. Có thiết bị, dụng cụ để bảo quản thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo hướng dẫn của nhà sản xuất, nhà cung cấp.”</i></p> <p>Được sửa thành: “<i>2. Có thiết bị, dụng cụ để bảo quản thức ăn chăn nuôi, thủy sản.”</i></p>	
		<p>Khoản 1, Điều 4. Điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật: Quy định cũ: “<i>3. Về kho thuốc bảo vệ thực vật</i> <i>a) Đối với kho thuốc bảo vệ thực vật của cơ sở bán lẻ</i> - <i>Khi xây dựng cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m;</i> - <i>Kho có kệ kê hàng cao tối thiểu 10 cm so với mặt sàn, cách tường tối thiểu 20 cm”</i></p> <p>Được sửa thành: “<i>b) Đối với cơ sở bán lẻ, kho thuốc bảo vệ thực</i></p>	<p>sửa đổi Nghị định 66/2016/NĐ-CP</p>

vật phải xây dựng cách nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m và có kê kê hàng cao tối thiểu 10 cm so với mặt sàn, cách tường tối thiểu 20 cm.”

Khoản 1, Điều 6. Điều kiện đối với tổ chức thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật quy định: *“Người quản lý, điều hành hoặc cán bộ kỹ thuật có trình độ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, lâm sinh, hóa học; có Giấy chứng nhận tập huấn khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật do cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp”*.

Được sửa thành: *“Người trực tiếp quản lý, điều hành tổ chức thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật có trình độ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học, nông học và có Giấy chứng nhận tập huấn khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật”*.

Khoản 2, Điều 21. Điều kiện đầu tư kinh doanh cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm quy định: *“2. Cơ sở sơ chế, chế biến tách biệt khu vực ô nhiễm môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố theo quy định của pháp luật, các khu tập trung, xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, bệnh viện”*.

Được sửa thành: *“2. Cơ sở có **khoảng cách an toàn** với khu xử lý chất thải.”*

5	Sửa đổi đkkd tạo thuận lợi cho doanh nghiệp	<p>Khoản 2, Điều 6. Điều kiện đối với tổ chức thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật quy định: “<i>Có ít nhất 05 lao động thường xuyên có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành quy định tại khoản 1 Điều này và được tập huấn về khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật.</i>”</p> <p>Được sửa thành: “<i>Người lao động có trình độ chuyên môn thuộc chuyên ngành về bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học, nông học và đã được tập huấn về khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật.</i>”</p>	sửa đổi Nghị định 66/2016/NĐ-CP
6	Vẫn còn các quy định chung chung, thiếu rõ ràng, khó xác định, khó tiên lượng, nhưng chưa được sửa đổi hoặc sửa đổi nhưng chưa đáp ứng yêu cầu	<p>Điều 12. Điều kiện chung sản xuất thuốc thú y</p> <p>- Khoản 3 quy định: “<i>Kho chứa đựng nguyên liệu, phụ liệu, thuốc thành phẩm có diện tích phù hợp với quy mô sản xuất</i>”.</p> <p>- Khoản 4 quy định: “<i>Có giá, kệ để nguyên liệu, phụ liệu, bao bì, thuốc thành phẩm; có thiết bị, phương tiện để bảo đảm Điều kiện bảo quản.</i>”</p>	sửa đổi Nghị định 35/2016/NĐ-CP
		<p>Điều 7. Điều kiện kinh doanh dịch vụ khảo nghiệm giống cây trồng quy định:</p> <p>“1. Có ít nhất 02 người có trình độ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành cây trồng, bảo vệ thực vật, lâm sinh;</p> <p>2. Có địa điểm phù hợp với yêu cầu khảo nghiệm về sinh trưởng, phát triển của từng loài cây trồng”.</p> <p>Khoản 1, Điều 13. Điều kiện buôn bán thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản quy định: “<i>Có kho, thiết bị, dụng cụ để bảo quản sản</i></p>	sửa đổi Nghị định 66/2016/NĐ-CP Cơ sở nào để đưa ra con số 02 người

		phẩm.”	
7	Chứng chỉ hành nghề không có ý nghĩa QLNN hoặc yêu cầu về đào tạo hạn chế chỉ do cơ quan QLNN tổ chức, không XHH	Điều 21. Điều kiện hành nghề thú y Khoản 1 quy định: “ <i>Người hành nghề tiêm phòng cho động vật phải có chứng chỉ tốt nghiệp lớp đào tạo về kỹ thuật do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp tỉnh cấp.</i> ” (tức là các Chi cục thú y)	sửa đổi Nghị định 35/2016/NĐ-CP Nếu người hành nghề đã qua đào tạo chuyên ngành thì không nên yêu cầu phải qua lớp đào tạo cấp chứng chỉ này nữa. Hơn nữa, cần xã hội hoá nội dung đào tạo này. Nếu quy định như vậy thì được hiểu là người hành nghề tiêm phòng buộc phải qua lớp đào tạo để được cấp chứng chỉ cho dù họ đã được đào tạo chuyên môn ở các trường.
		Khoản 1, Điều 6. Điều kiện đối với tổ chức thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật quy định “ <i>Người trực tiếp quản lý, điều hành tổ chức thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật có trình độ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học, nông học và có Giấy chứng nhận tập huấn khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật</i> ”	sửa đổi Nghị định 66/2016/NĐ-CP Người có bằng chuyên ngành liệu có cần phải tham gia tập huấn để được cấp GCN do Bộ NNPTNT cấp?

8	Can thiệp quá mức vào hoạt động kinh doanh của DN	Điều 14. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y GMP Khoản 3 quy định: “ <i>Các cơ sở khi được kiểm tra GMP phải tiến hành báo cáo bằng sơ đồ, biểu đồ và các số liệu ngắn gọn về tình hình hoạt động, công tác triển khai áp dụng GMP</i> ”.	sửa đổi Nghị định 35/2016/NĐ-CP
		Điểm b, Khoản 4, Điều 7. Điều kiện đối với cơ sở sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi, thủy sản “ <i>b) Có dây chuyền sản xuất phù hợp với từng loại sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản; ...</i> ”	sửa đổi Nghị định 39/2017/NĐ-CP
9	Thêm đkkd gây khó khăn cho DN		

3.2. Lĩnh vực xây dựng

STT	Tiêu chí kết quả cắt giảm	Một số ví dụ	Ghi chú
1	Đkkd cắt bỏ được ghi nhận, thực sự tạo thuận lợi cho doanh nghiệp	Nghị định 100/2018/NĐ-CP bãi bỏ Điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch trong lĩnh vực vật liệu xây dựng quy định tại Nghị định 24a/2016/NĐ-CP . Cụ thể là: “1. Có chức năng tư vấn về lập quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng, quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng phù hợp với công việc đảm nhận theo quy định của pháp Luật. 2. Chủ nhiệm dự án quy hoạch phải đáp ứng các điều kiện sau đây: a) Có trình độ là kỹ sư hoặc tương đương trở lên;	

b) Có thời gian tham gia công tác lập quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng, quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng ít nhất là năm (05) năm;

c) Đã tham gia lập ít nhất một (01) quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng, quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng được Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt; hoặc đã tham gia lập ít nhất ba (03) quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng, quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.”

Nghị định 100/2018/NĐ-CP bãi bỏ **Yêu cầu về kinh doanh vật liệu xây dựng** quy định tại **Nghị định 24a/2016/NĐ-CP**. Cụ thể là:

“Hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng phải tuân thủ các quy định pháp luật về thương mại, đồng thời phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

1. Đối với cửa hàng, siêu thị kinh doanh vật liệu xây dựng phải có đủ diện tích kho, bãi chứa đảm bảo cho việc bảo quản, xuất nhập các sản phẩm vật liệu xây dựng.
2. Phải có đủ phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, biển báo an toàn tại nơi kinh doanh vật liệu xây dựng đối với các loại vật liệu xây dựng dễ cháy, có mùi, hóa chất độc hại, bụi bẩn.
3. Các loại vật liệu xây dựng bị hư hỏng, giảm chất lượng trong quá trình vận chuyển, lưu chứa, kinh doanh thì tổ chức và cá nhân phải chịu trách nhiệm thu hồi, xử lý.”

		Nghị định 100/2018/NĐ-CP bãi bỏ điều kiện cấp Chứng chỉ năng lực của tổ chức lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; Điều kiện của tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về hoạt động xây dựng quy định tại Nghị định 59/2015/NĐ-CP.	
		Bãi bỏ điều kiện là chủ đầu tư dự án quy định tại Nghị định 11/2013/NĐ-CP.	
		Bãi bỏ điều kiện kinh doanh Lựa chọn đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh quy định tại Nghị định 64/2010/NĐ-CP.	
		Bãi bỏ yêu cầu về Đơn vị quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị quy định tại Nghị định 79/2009/NĐ-CP.	
2	Đkkd cắt bỏ được ghi nhận, nhưng chỉ là những đkkd ít có ý nghĩa		
3	Đkkd cắt vì không liệt kê mà quy định tuân thủ theo pháp luật liên quan/ hoặc các đkkd được bãi bỏ do bị trùng lặp (không phải cắt giảm)		
4	Sửa đổi dưới hình thức diễn đạt lại quy định về đkkd, không	Quy định cũ tại Nghị định 42/2017/NĐ-CP : “2. Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng:	

<p>phải giảm/ hoặc gộp nhiều đkkd thành 1 đkkd/ hoặc sửa đổi, nhưng không thực sự đơn giản hoá, tạo thuận lợi cho DN</p>	<p>a) <i>Hạng I: Đã làm giám sát trưởng hoặc đã trực tiếp giám sát thi công phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình cấp I hoặc 02 công trình cấp II cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề;</i></p> <p>b) <i>Hạng II: Đã làm giám sát trưởng hoặc đã trực tiếp giám sát thi công phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình cấp II hoặc 02 công trình cấp III cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề;</i></p> <p>c) <i>Hạng III: Đã trực tiếp giám sát thi công phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình cấp III hoặc 02 công trình cấp IV cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề...”</i></p> <p>Nghị định 100/2018/NĐ-CP sửa thành:</p> <p><i>“2. Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng:</i></p> <p>a) <i>Hạng I: Đã làm giám sát trưởng hoặc chỉ huy trưởng công trường hoặc chủ trì thiết kế xây dựng phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc 02 công trình từ cấp II trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.</i></p> <p>b) <i>Hạng II: Đã làm giám sát trưởng hoặc chỉ huy trưởng công trường hoặc chủ trì thiết kế xây dựng phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại với công</i></p>	
---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

	<p><i>trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.</i></p> <p><i>c) Hạng III: Đã tham gia giám sát thi công xây dựng hoặc tham gia thiết kế xây dựng hoặc thi công xây dựng phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.”</i></p>	
	<p>Nghị định 59/2015/NĐ-CP quy định: “Điều 45. Điều kiện chung để được cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng Cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng khi đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p><i>1. Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy phép cư trú tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài...”</i></p> <p>Nghị định 100/2018/NĐ-CP sửa thành: “Điều 45. Điều kiện chung để được cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng Cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề khi đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p><i>1. Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy phép cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài...”</i></p> <p>Nghị định 59/2015/NĐ-CP quy định Chứng chỉ hành nghề thiết</p>	

kế quy hoạch xây dựng như sau:

“1. Cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng phải có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành kiến trúc, quy hoạch và các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu của đồ án quy hoạch và đáp ứng các điều kiện tương ứng với các hạng sau:

a) Hạng I: Đã làm chủ trì thiết kế, chủ trì thẩm định thiết kế bộ môn chuyên ngành của ít nhất 1 (một) đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên tỉnh, 2 (hai) đồ án quy hoạch vùng tỉnh hoặc 3 (ba) đồ án quy hoạch vùng liên huyện hoặc 5 (năm) đồ án quy hoạch vùng huyện, 5 (năm) đồ án quy hoạch chung xây dựng khu chức năng đặc thù;

b) Hạng II: Đã làm chủ trì thiết kế hoặc chủ trì thẩm định thiết kế bộ môn chuyên ngành của ít nhất 1 (một) đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, 2 (hai) đồ án quy hoạch vùng liên huyện hoặc 3 (ba) đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện hoặc 3 (ba) đồ án quy hoạch chung xây dựng khu chức năng đặc thù...”

Nghị định 100/2018/NĐ-CP sửa thành:

“1. Cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng đáp ứng các điều kiện tương ứng với các hạng sau:

a) Hạng I: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng (trong đó ít nhất 01 đồ án là quy hoạch xây dựng vùng

		<p>liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện hoặc quy hoạch chung) thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.;</p> <p>b) Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt...”</p>	
5	<p>Sửa đổi đkkd tạo thuận lợi cho DN</p>	<p>Quy định cũ tại Nghị định 42/2017/NĐ-CP: Chứng chỉ năng lực của tổ chức giám sát thi công xây dựng “1. Hạng I: a) Có ít nhất 10 người có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hạng I phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực; b) Có ít nhất 15 người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực; ...”</p> <p>Nghị định 100/2018/NĐ-CP sửa thành: “a) Hạng I: - Cá nhân đảm nhận chức danh giám sát trưởng có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hạng I, giám sát viên có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực; ...”</p>	

Nghị định 59/2015/NĐ-CP quy định **Điều kiện chung để được cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng** như sau:

“...b) *Hạng II: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 5 (năm) năm trở lên;*

c) *Hạng III: Có trình độ chuyên môn phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 3 (ba) năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 5 (năm) năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp chuyên nghiệp.”*

Nghị định 100/2018/NĐ-CP sửa thành:

“...b) *Hạng II: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 04 năm trở lên;*

c) *Hạng III: Có trình độ chuyên môn phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 02 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 03 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp.”*

Nghị định 59/2015/NĐ-CP quy định điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng như sau:

“a) *Hạng I: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng chuyên ngành ít nhất 1 (một) dự án nhóm A hoặc 5 (năm) dự án nhóm B hoặc ít*

nhất 2 (hai) công trình cấp I hoặc 3 (ba) công trình cấp II cùng loại;

b) Hạng II: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng chuyên ngành ít nhất 2 (hai) dự án nhóm B hoặc 5 (năm) dự án nhóm C hoặc ít nhất 2 (hai) công trình cấp II hoặc 3 (ba) công trình cấp III cùng loại;

c) Hạng III: Đã tham gia khảo sát xây dựng chuyên ngành ít nhất 3 (ba) dự án nhóm C hoặc ít nhất 2 (hai) công trình cấp III hoặc 3 (ba) công trình cấp IV cùng loại.”

Nghị định 100/2018/NĐ-CP sửa lại như sau:

“a) Hạng I: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 01 dự án từ nhóm A hoặc 02 dự án từ nhóm B trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp I trở lên hoặc 03 công trình từ cấp II trở lên;

b) Hạng II: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 01 dự án từ nhóm B trở lên hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên hoặc ít nhất 02 công trình cấp II trở lên hoặc 03 công trình cấp III trở lên;

c) Hạng III: Đã tham gia khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 02 dự án từ nhóm C hoặc 02 dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật trở lên hoặc ít nhất 02 công trình cấp III trở lên hoặc 03 công trình cấp IV trở lên.”

6	<p>Vẫn còn các quy định chung chung, thiếu rõ ràng, khó xác định, khó tiên lượng, nhưng chưa được sửa đổi hoặc sửa đổi nhưng chưa đáp ứng yêu cầu</p>	<p>Nghị định 100/2018/NĐ-CP sửa quy định về Điều kiện năng lực của tổ chức thi công xây dựng công trình, trong đó vẫn có quy định như sau: <i>“...Có khả năng huy động đủ số lượng máy móc, thiết bị chủ yếu đáp ứng yêu cầu thi công xây dựng các công trình phù hợp với công việc tham gia đảm nhận...”</i>.</p>	
7	<p>Chúng chỉ hành nghề không có ý nghĩa QLNN hoặc yêu cầu về đào tạo hạn chế chỉ do cơ quan QLNN tổ chức, không XHH</p>	<p>Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư (quy định tại Nghị định 79/2016/NĐ-CP được sửa đổi tại Nghị định 100/2018/NĐ-CP). Cụ thể là: <i>“Điều 3. Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư</i> <i>Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư phải có đủ các điều kiện sau đây:</i> <i>1. Có giáo trình hoặc tài liệu giảng dạy phù hợp với chương trình khung đào tạo bồi dưỡng do Bộ Xây dựng ban hành.</i> <i>2. Được Bộ Xây dựng hoặc các cơ quan được Bộ Xây dựng ủy quyền công nhận đủ điều kiện đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư.”</i></p>	
8	<p>Can thiệp quá mức vào hoạt động kinh doanh của DN</p>		

9	Thêm đkkd gây khó khăn cho DN		
---	-------------------------------	--	--

3.3. Lĩnh vực Thông tin truyền thông

STT	Tiêu chí kết quả cắt giảm	Một số ví dụ	Ghi chú
1	Đkkd cắt bỏ được ghi nhận, thực sự tạo thuận lợi cho doanh nghiệp	<p>Nghị định 25/2018/NĐ-CP bãi bỏ một số điều kiện hoạt động cơ sở in quy định tại Nghị định 60/2014/NĐ-CP. Cụ thể là:</p> <p>a) Là doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, hộ kinh doanh về hoạt động in (kể cả cơ sở in hoạt động độc lập và trực thuộc doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác);</p> <p>d) Có đủ điều kiện về an ninh - trật tự, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;</p> <p>e) Có người đứng đầu là công dân Việt Nam, thường trú hợp pháp tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có trình độ cao đẳng trở lên về chuyên ngành in hoặc được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hoạt động in;</p> <p>Nghị định 25/2018/NĐ-CP bãi bỏ điều kiện Nhận chế bản, in, gia công sau in mẫu, biểu mẫu giấy tờ của cơ quan nhà nước; Nhận chế bản, in, gia công sau in bao bì, nhãn hàng hóa; Yêu cầu đối với cơ sở in được hợp tác quy định tại Nghị định</p>	

	60/2014/NĐ-CP.	
	<p>Nghị định 130/2018/NĐ-CP bãi bỏ một số điều kiện kinh doanh quy định tại Nghị định 195/2013/NĐ-CP. Cụ thể là:</p> <p>Điều kiện thành lập, nội dung hoạt động của văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài: “c) Có địa điểm làm trụ sở văn phòng đại diện”.</p> <p>Điều kiện thành lập và bảo đảm hoạt động của nhà xuất bản: “1...a) Trụ sở của nhà xuất bản có diện tích từ 200 mét vuông (m²) sử dụng trở lên... 3. Cơ quan chủ quản và nhà xuất bản bảo đảm kinh phí hằng năm ít nhất 05 (năm) tỷ đồng, để nhà xuất bản thực hiện nhiệm vụ xuất bản theo tôn chỉ, mục đích của nhà xuất bản”.</p> <p>Điều kiện hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử: “1...b) Có thiết bị, phần mềm phục vụ việc thiết kế, dàn trang, ghi dữ liệu trên các phương tiện điện tử; c) Có thiết bị truyền phát xuất bản phẩm điện tử được số hóa sau khi được biên tập, định dạng và được lưu trữ trên các phương tiện điện tử;... ...e) Có thiết bị, giải pháp kỹ thuật để thống kê, quản lý số lượng xuất bản phẩm điện tử đã được xuất bản, phát hành...”</p> <p>“...3... a) Có thiết bị, giải pháp kỹ thuật phòng, chống vi-rút máy tính;”</p>	

		“...5. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết các điều kiện hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử tại Điều này phù hợp với từng giai đoạn phát triển công nghệ.”	
2	Đkkd cắt bỏ được ghi nhận, nhưng chỉ là những đkkd ít có ý nghĩa		
3	Đkkd cắt vì không liệt kê mà quy định tuân thủ theo pháp luật liên quan/ hoặc các đkkd được bãi bỏ do bị trùng lặp (không phải cắt giảm)		
4	Sửa đổi dưới hình thức diễn đạt lại quy định về đkkd, không phải giảm/ hoặc gộp nhiều đkkd thành 1 đkkd/ hoặc sửa đổi, nhưng không thực sự đơn giản hoá, tạo thuận lợi cho DN	<p>Nghị 60/2014/NĐ-CP quy định điều kiện hoạt động cơ sở in, trong đó có quy định:</p> <p>“...b) Có thiết bị in để thực hiện ít nhất một trong các công đoạn chế bản, in, gia công sau in;...”</p> <p>“...đ) Có chủ sở hữu là tổ chức, cá nhân Việt Nam;...”</p> <p>Nghị định 25/2018/NĐ-CP sửa thành:</p> <p>“...b) Có thiết bị phù hợp để thực hiện một hoặc nhiều công đoạn chế bản, in, gia công sau in theo nhu cầu, khả năng hoạt động của cơ sở in và đúng với nội dung đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt</p>	

		<p><i>động in hoặc tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in quy định tại Điều 12 và Điều 14 Nghị định này;...</i></p> <p><i>“...đ) Có chủ sở hữu là tổ chức, cá nhân Việt Nam và có người đứng đầu là công dân Việt Nam, thường trú hợp pháp tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ...”</i></p>	
		<p>Nghị định 72/2013/NĐ-CP quy định Tổ chức, doanh nghiệp được cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, Giấy phép thiết lập mạng xã hội khi có đủ các điều kiện sau đây:</p> <p><i>“...b) Có nhân sự quản lý đáp ứng yêu cầu theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;</i></p> <p><i>c) Đã đăng ký tên miền sử dụng để thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội;</i></p> <p><i>d) Có đủ khả năng tài chính, kỹ thuật, tổ chức, nhân sự phù hợp với quy mô hoạt động;</i></p> <p><i>đ) Có biện pháp bảo đảm an toàn thông tin và an ninh thông tin.”</i></p> <p>Nghị định 130/2018/NĐ-CP và Nghị định 72/2018/NĐ-CP sửa đổi như sau:</p> <p><i>“b) Có tổ chức, nhân sự đáp ứng theo quy định tại Điều 23a Nghị định này;</i></p> <p><i>c) Đã đăng ký tên miền sử dụng để thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội và đáp ứng quy định tại Điều 23b Nghị định này;</i></p>	

		<p>d) Đáp ứng các Điều kiện về kỹ thuật theo quy định tại Điều 23c Nghị định này;</p> <p>đ) Có biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh thông tin và quản lý thông tin theo quy định tại Điều 23d Nghị định này”.</p>	
5	Sửa đổi đkkd tạo thuận lợi cho DN	<p>Điều kiện nhận chế bản, in, gia công sau in quy định tại Nghị định 60/2014/NĐ-CP:</p> <p>“1. Có hợp đồng in theo quy định của pháp luật hoặc phiếu đặt in theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định giữa cơ sở in với cơ quan, tổ chức, cá nhân đặt chế bản, in, gia công sau in...”</p> <p>Được sửa đổi tại Nghị định 25/2018/NĐ-CP như sau:</p> <p>“1. Có hợp đồng in bằng văn bản hoặc phiếu đặt in theo mẫu quy định giữa cơ sở in với cơ quan, tổ chức, cá nhân đặt chế bản, in, gia công sau in...”</p>	
6	Vẫn còn các quy định chung chung, thiếu rõ ràng, khó xác định, khó tiên lượng, nhưng chưa được sửa đổi hoặc sửa đổi nhưng chưa đáp ứng yêu cầu	<p>Nghị định 25/2018/NĐ-CP sửa quy định điều kiện hoạt động cơ sở in:</p> <p>“...b) Có thiết bị phù hợp để thực hiện một hoặc nhiều công đoạn chế bản, in, gia công sau in theo nhu cầu, khả năng hoạt động của cơ sở in và đúng với nội dung đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động in hoặc tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in quy định tại Điều 12 và Điều 14 Nghị định này;...”</p>	

Nghị định 130/2018/NĐ-CP và Nghị định 27/2018/NĐ-CP quy định Nhà đăng ký tên miền “.vn” được cung cấp dịch vụ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: “...c) **Có đủ năng lực về nhân sự, kỹ thuật phù hợp với quy mô hoạt động để triển khai cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền**”.

Điều kiện về tổ chức, nhân sự cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1: “...2. **Có đội ngũ nhân sự quản trị trò chơi điện tử phù hợp với quy mô hoạt động, bảo đảm tối thiểu 01 nhân sự quản trị 2 máy chủ.**”

Điều kiện về kỹ thuật cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1: “...**Có biện pháp kỹ thuật, nghiệp vụ quản lý nội dung dẫn dắt trò chơi (nếu có), tuân thủ theo quy định tại Khoản 2 Điều 23d Nghị định này.**”

Điều kiện đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi G2, G3, G4: “...3...b) **Có đội ngũ nhân sự quản trị trò chơi điện tử phù hợp quy mô hoạt động và loại hình cung cấp dịch vụ.**
4. **Có đủ khả năng tài chính để cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử phù hợp với quy mô hoạt động.**”

Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng khi đáp ứng các điều kiện sau đây: “...đ) **Bảo đảm đủ ánh sáng, độ chiếu**

		<i>sáng đồng đều trong phòng máy”.</i>	
		Nghị định 72/2013/NĐ-CP quy định về điều kiện đăng ký cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động: <i>“...b) Có đủ khả năng tài chính, kỹ thuật, tổ chức, nhân sự phù hợp với quy mô hoạt động...”</i>	
7	Chứng chỉ hành nghề không có ý nghĩa QLNN hoặc yêu cầu về đào tạo hạn chế chỉ do cơ quan QLNN tổ chức, không XHH		
8	Can thiệp quá mức vào hoạt động kinh doanh của DN	Điều kiện hoạt động của điểm truy nhập Internet công cộng được quy định tại Nghị định 72/2013/NĐ-CP như sau: <i>“...3. Chủ điểm truy nhập Internet công cộng tại khách sạn, nhà hàng, sân bay, bến tàu, bến xe, quán cà phê và các điểm công cộng khác khi cung cấp dịch vụ truy nhập Internet cho người sử dụng trong phạm vi các địa điểm này: ... b) Phải đăng ký kinh doanh đại lý Internet và ký hợp đồng đại lý Internet nếu có thu cước”.</i>	
		Nghị định 130/2018/NĐ-CP và Nghị định 27/2018/NĐ-CP quy định về Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1: <i>‘...b) Sơ đồ tổng thể hệ thống thiết bị cung cấp dịch vụ, địa điểm đặt hệ thống thiết bị cung cấp dịch vụ;</i>	Hồ sơ yêu cầu quy định nhiều hơn so với yêu cầu về điều kiện kinh doanh

		<p>c) Mô tả chi tiết hệ thống thiết bị cung cấp dịch vụ cả Phần chính và Phần dự phòng bao gồm: Tên, chức năng, cấu hình dự kiến của từng thiết bị;</p> <p>d) Thông tin chi tiết về phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ; kế hoạch kết nối với mạng Internet và mạng viễn thông (tên doanh nghiệp, tên miền, địa chỉ IP, dung lượng kênh kết nối, kênh phân phối trò chơi)...</p> <p>...h) Mô tả chi tiết hệ thống thiết bị (Phần cứng, Phần mềm) giám sát hoạt động hệ thống cung cấp dịch vụ; kế hoạch sao lưu dữ liệu và phương án dự phòng về thiết bị, kết nối; quy trình vận hành, khai thác, cung cấp và sử dụng dịch vụ; kế hoạch bảo đảm bí mật, an toàn thông tin cá nhân của người chơi;</p> <p>i) Mô tả chi tiết hệ thống thiết bị (Phần cứng, Phần mềm) bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, bảo đảm bí mật thông tin cá nhân của người chơi; quy chế phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc bảo đảm an toàn, an ninh thông tin...”</p>	
9	Thêm đkkd gây khó khăn cho DN	Nghị định 130/2018/NĐ-CP và Nghị định 27/2018/NĐ-CP thêm Điều kiện về tổ chức, nhân sự đối với trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội; Điều kiện về kỹ thuật đối với trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội;	

3.4. Lĩnh vực Văn hóa, thể thao, du lịch

STT	Tiêu chí kết quả cắt giảm	Một số ví dụ	Ghi chú
-----	---------------------------	--------------	---------

1	<p>Đkkd cắt bỏ được ghi nhận, thực sự tạo thuận lợi cho doanh nghiệp</p>	<p>Nghị định 142/2018/NĐ-CP bãi bỏ một số điều kiện kinh doanh quy định tại Nghị định 168/2017. Cụ thể là:</p> <p>Điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ đối với khách sạn: “...7. Người quản lý, nhân viên được tập huấn về nghiệp vụ du lịch.”</p> <p>Điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ đối với tàu thủy lưu trú du lịch: “...Tàu trong tình trạng tốt, còn hạn đăng kiểm; có áo phao, phao cứu sinh, phương tiện thông tin liên lạc, tủ thuốc cấp cứu ban đầu. 2. Có điện, nước sạch; có thiết bị thu gom rác thải, nước thải bảo đảm vệ sinh môi trường... ... 5. Người quản lý, nhân viên phục vụ được tập huấn về nghiệp vụ du lịch, kỹ năng cứu hộ trên sông, biển”.</p> <p>Điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ đối với nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê: “...4. Chủ nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê được tập huấn về nghiệp vụ du lịch”.</p>	
		<p>Nghị định 142/2018/NĐ-CP bãi bỏ một số điều kiện kinh doanh quy định tại Nghị định 106/2016/NĐ-CP. Cụ thể là:</p> <p>Điều kiện về người hướng dẫn tập luyện thể thao: “...2. Nhân viên cứu hộ tại cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao là người được tập huấn chuyên môn theo quy định của Bộ trưởng Bộ</p>	

	<p>Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>3. Nhân viên y tế tại cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao là người có trình độ chuyên môn từ trung cấp y tế trở lên.”</p> <p>Điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao: “1... b) Có nguồn tài chính bảo đảm hoạt động kinh doanh hoạt động thể thao. Nguồn tài chính do cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao tự chịu trách nhiệm”.</p>	
	<p>Nghị định 142/2018/NĐ-CP bãi bỏ một số điều kiện kinh doanh quy định tại Nghị định 61/2016/NĐ-CP. Cụ thể là:</p> <p>Điều kiện kinh doanh giám định cổ vật: “1. Có kho lưu giữ, bảo quản hiện vật giám định.... ... 3. Có nguồn tài liệu về cổ vật để tham khảo, phục vụ hoạt động giám định cổ vật”</p>	
	<p>Nghị định 142/2018/NĐ-CP bãi bỏ một số điều kiện kinh doanh quy định tại Nghị định 15/2016/NĐ-CP. Cụ thể là:</p> <p>Cấp phép biểu diễn, tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang: “...01 văn bản cam kết thực thi đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền tác giả hoặc bản sao hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả”</p>	
	<p>Nghị định 142/2018/NĐ-CP bãi bỏ một số điều kiện kinh doanh quy định tại Nghị định 98/2010/NĐ-CP. Cụ thể là:</p> <p>Điều kiện kinh doanh đối với Tổ chức và hoạt động của cửa hàng mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia:</p>	

		<p>“1...d) Có đủ phương tiện trưng bày, bảo quản và bảo vệ di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.”</p>	
		<p>Nghị định 142/2018/NĐ-CP bãi bỏ một số điều kiện kinh doanh quy định tại Nghị định 130/2009/NĐ-CP. Cụ thể là:</p> <p>Điều kiện kinh doanh vũ trường: “...4. Phù hợp với quy hoạch về vũ trường của từng địa phương”</p> <p>Trách nhiệm của chủ kinh doanh vũ trường: “...2. Đảm bảo ánh sáng trong phòng khiêu vũ trên 10 Lux tương đương 01 bóng đèn sợi đốt 40W cho 20m²; 3. Đảm bảo âm thanh vang ra ngoài phòng khiêu vũ không vượt quá quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn mức ồn tối đa cho phép... ... 7. Đảm bảo các điều kiện về an ninh, trật tự quy định tại Nghị định số 72/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ”.</p> <p>Điều kiện kinh doanh karaoke: “...2. Cửa phòng karaoke phải là cửa kính không màu, bên ngoài nhìn thấy toàn bộ phòng;... ... 4. Địa điểm hoạt động karaoke phải cách trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa, cơ quan hành chính nhà nước từ 200m trở lên;... ... 6. Phù hợp với quy hoạch về karaoke được cơ quan có thẩm</p>	

		quyền phê duyệt.”	
2	Đkkd cắt bỏ được ghi nhận, nhưng chỉ là những đkkd ít có ý nghĩa	Nghị định 142/2018/NĐ-CP bãi bỏ một số điều kiện kinh doanh quy định tại Nghị định 168/2017. Cụ thể là: Điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ đối với khách sạn: “1. Có hệ thống điện, hệ thống cấp nước sạch và thoát nước...”	
3	Đkkd cắt vì không liệt kê mà quy định tuân thủ theo pháp luật liên quan/ hoặc các đkkd được bãi bỏ do bị trùng lặp (không phải cắt giảm)		
4	Sửa đổi dưới hình thức diễn đạt lại quy định về đkkd, không phải giảm/ hoặc gộp nhiều đkkd thành 1 đkkd/ hoặc sửa đổi, nhưng không thực sự đơn giản hoá, tạo thuận lợi cho DN	Nghị định 98/2010/NĐ-CP quy định điều kiện kinh doanh đối với Tổ chức và hoạt động của cửa hàng mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia , trong đó có điều kiện: “1... c) Có cửa hàng đủ diện tích phù hợp để trưng bày di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.” Nghị định 142/2018/NĐ-CP sửa thành: “Có cửa hàng” Nghị định 98/2010/NĐ-CP quy định Điều kiện để cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia: “a) Có trình độ chuyên môn hoặc am hiểu về di vật, cổ vật, bảo	

		<p>vật quốc gia.”</p> <p>Nghị định 142/2018/NĐ-CP sửa thành: “Có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành đào tạo về di sản văn hóa, lịch sử (khảo cổ học, văn hóa học), mỹ thuật, Hán Nôm, dân tộc học, cổ nhân học, cổ sinh vật học (động vật, thực vật), địa chất; hoặc là thành viên của tổ chức xã hội - nghề nghiệp liên quan đến các chuyên ngành đào tạo nêu trên và đã thực hiện hoạt động sưu tầm cổ vật”</p>	
5	Sửa đổi đkkd tạo thuận lợi cho DN	<p>Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích quy định tại Nghị định 61/2016/NĐ-CP, trong đó có điều kiện:</p> <p>“1... c) Có ít nhất 02 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích”</p> <p>Nghị định 142/2018/NĐ-CP sửa thành: “1... c) Có ít nhất 01 người được cấp Chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch tu bổ di tích”</p>	
		<p>Điều kiện về vốn pháp định để kinh doanh sản xuất phim quy định tại Nghị định 54/2010/NĐ-CP, trong đó có điều kiện: “1. Vốn pháp định là 1.000.000.000 đồng (một tỷ VNĐ)...”</p> <p>Nghị định 142/2018/NĐ-CP sửa thành: “1. Vốn pháp định là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng)...”.</p>	

6	<p>Vẫn còn các quy định chung chung, thiếu rõ ràng, khó xác định, khó tiên lượng, nhưng chưa được sửa đổi hoặc sửa đổi nhưng chưa đáp ứng yêu cầu</p>		
7	<p>Chúng chỉ hành nghề không có ý nghĩa QLNN hoặc yêu cầu về đào tạo hạn chế chỉ do cơ quan QLNN tổ chức, không XHH</p>		
8	<p>Can thiệp quá mức vào hoạt động kinh doanh của DN</p>		
9	<p>Thêm đkkd gây khó khăn cho DN</p>		

Chương IV. Một số kiến nghị tiếp tục cải cách về điều kiện kinh doanh

Để tiếp tục cải cách về điều kiện kinh doanh nhằm tạo lập môi trường kinh doanh ổn định, thuận lợi cho doanh nghiệp, thúc đẩy đầu tư và kinh doanh bền vững, trong năm 2019 và các năm tiếp theo các bộ, ngành vẫn cần chú trọng nội dung này. Theo đó, Chính phủ cần khuyến khích các nghiên cứu, đánh giá độc lập về chất lượng cải cách điều kiện kinh doanh, ghi nhận những phản hồi từ cộng đồng doanh nghiệp để kịp thời có những điều chỉnh, cải cách cần thiết, đảm bảo hiệu quả thực chất của các nỗ lực. Đồng thời, việc theo dõi, đánh giá cần được thực hiện thường xuyên, liên tục và bởi nhiều bên khác nhau. Những thay đổi cải cách phải được công khai, tổ chức thực hiện nghiêm túc. Những hạn chế phải được thẳng thắn nhìn nhận và kịp thời điều chỉnh.

Trong thời gian tới, báo cáo này đề xuất một số giải pháp cụ thể dưới đây cần được chú trọng:

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ cần tiếp tục rà soát, trình Chính phủ bãi bỏ, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh không rõ ràng, không cụ thể, không khả thi¹. Nội dung này hoàn thành trong năm 2019; Đẩy nhanh tiến độ soạn thảo Luật sửa đổi các luật có liên quan trình Chính phủ để trình Quốc hội bãi bỏ, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh được quy định tại các luật chuyên ngành theo phương án đã được phê duyệt; Công bố đầy đủ các điều kiện kinh doanh đã được bãi bỏ, các điều kiện kinh doanh đã được đơn giản hóa trong năm 2018.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo dõi, chỉ đạo các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện đảm bảo thực thi đầy đủ điều kiện kinh doanh đã bị bãi bỏ, những nội dung được đơn giản hóa của các quy định về điều kiện kinh doanh; không tự đặt thêm điều kiện kinh doanh trái quy định của pháp luật; xử lý nghiêm những cán bộ, công chức không thực hiện đúng, đầy đủ các quy định mới về điều kiện kinh doanh.

3. Tiếp tục nghiên cứu đánh giá mức độ thay đổi và tác động thực chất đối với doanh nghiệp của những cải cách, bãi bỏ đơn giản hóa các quy định về điều kiện

¹Theo rà soát các Nghị định về cắt giảm điều kiện kinh doanh được ban hành trong năm 2018 và các điều kiện kinh doanh hiện nay cho thấy vẫn còn một số điều kiện kinh doanh không cần thiết, không cụ thể, không khả thi và có thể dẫn tới những rủi ro cho doanh nghiệp. Do đó, những điều kiện kinh doanh như vậy cần tiếp tục rà soát và kiến nghị bãi bỏ, đơn giản hóa.

kinh doanh do các bộ, ngành thực hiện năm 2018; từ đó kiến nghị các giải pháp cải cách thực chất, đảm bảo hiệu quả, hiệu lực của cải cách.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện cải cách toàn diện các quy định về điều kiện kinh doanh ở các bộ, ngành, địa phương; định kỳ hàng quý báo cáo và kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo giải quyết ngay các chậm trễ, sai lệch, biến tướng và các vấn đề mới phát sinh.

5. Nghiên cứu xây dựng, trình Chính phủ Đề án cắt giảm ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư.